



GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN VIMUTTI MAGGA

Thiền Nhựt chuyển dịch sang tiếng Việt



Phẩm 11: Năm Phương tiện Chi 1: Âm, Nhập, Giới, Nhân duyên phương tiện

Như thế, người mới tập thiền muốn thoát khỏi cảnh sanh già, muốn trừ bỏ nhân duyên gây nên cảnh sanh tử, muốn trừ bỏ sự mê mờ của vô minh, muốn đoạn bỏ sợi dây yêu thương ràng buộc, muốn đắc được Huệ của bậc Thánh, thì phải cố khởi lên *năm phương tiện* ở nơi năm địa hạt. Đó là *âm phương tiện, nhập phương tiện, giới phương tiện, nhân duyên phương tiện* và *Thánh đế phương tiện*.

Hỏi: Thế nào là *âm phương tiện*?

Đáp: Năm âm: sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm và thức âm.

Hỏi: Thế nào là *sắc âm*?

Đáp: Là bốn đại và các vật chất (*sắc*) do bốn đại tạo thành.

Thế nào là bốn đại? Đó là *địa giới* (= đất), *thủy giới* (= nước), *hoá giới* (= lửa), *phong giới* (= gió).

Thế nào là *địa giới*? Địa giới có tánh chất bền chặt, hình tướng cứng rắn. Thế nào là *thủy giới*? Thủy giới có tánh chất ẩm ướt, làm vật chất kết dính lại. Thế nào là *hoá giới*? Hoá giới có sức nóng, nấu chín vật chất. Thế nào là *phong giới*? Phong giới có tánh chất nâng giúp vật chất.

Để vượt qua được các sự che đậy của bốn đại, người mới tập thiền nên dùng hai cách quán sát: quán sát sơ lược và quán sát chi tiết, như đã được nói rộng qua trong phần quán bốn đại trước đây.

Hỏi: Thế nào là *sắc* (= vật chất) do bốn đại tạo nên?

Đáp: Sắc, hay là vật chất, do bốn đại tạo nên gồm có: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỉ nhập, thiệt nhập, thân nhập, hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, nữ căn, nam căn, mạng căn, thân tác (*tác* = việc làm), khẩu tác (*khẩu* = miệng), Hư-không giới (= không gian), sắc nhẹ, sắc nhuyễn, sắc kham (*kham* = chịu đựng), sắc trì (*trì* = giữ gìn), sắc tăng trưởng, sắc tương tục (= nối tiếp), sắc sanh, sắc chết, sắc vô thường (= chẳng thường còn), thực phẩm, xứ sắc, (...).

Thế nào là *nhãn nhập*? (*nhãn* = con mắt; *nhập* = vào). Do *nhãn nhập* mà thấy được sắc, có đối tượng (về hình sắc) y theo đối tượng đó mà nhãn thức (= sự hiểu biết về hình sắc) khởi lên, đó gọi là nhãn nhập. Lại nữa, y theo ba lớp thịt mỏng tròn trắng, đen của nhãn châu, nằm trong năm chất thịt, máu, gió, đàm, huyết thanh, to bằng chừng như nửa hột cải, hoặc như đầu con kiến, chất sắc thanh tịnh đó được gọi là nhãn nhập, vốn tùy theo nghiệp cũ mà thành ra

vật chất do bốn đại tạo nên, trong đó hoả đại chiếm phần tối đa. Như Đại đức Xá-lợi-phất có nói, do nhãn thức thanh tịnh mà thấy được sắc hoặc nhỏ, hoặc vi tế như đầu con chí, con rận.

Thế nào là *nhĩ nhập*? (*nhĩ* = lỗ tai). Do *nhĩ nhập* mà nghe được tiếng, có đối tượng (về âm thanh), y theo đối tượng đó mà nhĩ thức khởi lên, đó gọi là *nhĩ nhập*. Lại nữa, nơi hai lỗ tai có lông màu đỏ mọc ngoài biên, y theo lớp da mỏng như cọng nhánh đậu xanh, chất sắc thanh tịnh đó được gọi là *nhĩ nhập*, vốn do nghiệp cũ và bốn đại tạo nên, trong đó phong đại chiếm phần tối đa.

Thế nào là *tị nhập*? (*tị* = lỗ mũi). Do *tị nhập* mà ngửi được mùi hương có đối tượng (về mùi) y theo đó mà tị thức nổi lên, đó gọi là *tị nhập*. Lại nữa, nơi hai lỗ mũi bên trong có ba ngò hiệp lại vào một lỗ nhỏ có hình như hoa cầu tù đà la (*Kovilāra*, một loại gỗ mun), chất sắc thanh tịnh đó được gọi là *tị nhập*, vốn do nghiệp cũ và bốn đại tạo nên, trong đó phong đại chiếm phần tối đa.

Thế nào là *thiệt nhập*? (*thiệt* = lưỡi). Do *thiệt nhập* mà nếm được các vị có đối tượng (về vị nếm) y theo đó mà thiệt thức khởi lên. Lại nữa, nơi bắp thịt lưỡi, rộng độ hai ngón tay, hình giống như hoa uất-bà-la (*Uppala*, hoa sen xanh) chất sắc thanh tịnh ấy được gọi là *tị nhập*, vốn do nghiệp cũ và bốn đại tạo nên, trong đó thủy đại chiếm phần tối đa.

Thế nào là *thân nhập*? Do *thân nhập* mà cảm xúc được sự va chạm có đối tượng (về xúc chạm) y theo đó mà thân thức khởi lên. Lại nữa, trừ lông, tóc, móng tay chơn, răng và các phần khác chẳng có cảm ứng, nơi toàn thể châu thân, chất sắc thanh tịnh đó được gọi là *thân nhập*, vốn do nghiệp cũ và bốn đại tạo nên, trong đó địa đại chiếm phần tối đa.

Vật chất mang hình sắc có thể thấy được, đó gọi là *sắc nhập*. Âm thanh có đối tượng có thể nghe được, đó gọi là *thanh nhập*. Mùi hương có đối tượng có thể ngửi được, đó gọi là *hương nhập*. Vị nếm có đối tượng có thể nếm được, đó gọi là *vị nhập*. *Nữ căn* là đặc tánh phái tính của người nữ. *Nam căn* là đặc tánh phái tính của người nam. *Mạng căn* giữ gìn thân sắc do nghiệp tạo nên. *Thân tác* là những hành động hiện có của thân thể. *Khẩu tác* là những động tác hiện có của miệng. Khiến cho vật chất (= *sắc*) được phân biệt nhau, đó gọi là *Hư-không giới*.

Sắc khinh (*khinh* = nhẹ) là tánh chất nhẹ nhàng của vật chất. *Sắc nhuễn* là tánh chất mềm dịu, nhu nhuễn của vật chất. Vật chất chịu đựng được sự uốn nắn, đó gọi là *sắc kham thọ trì*. Ba đặc tánh vừa kể, sắc khinh, sắc nhuễn và sắc kham thọ trì, là những đặc tánh vật chất khiến cho thân trở nên chẳng giải đãi (= lười nhác).

Sắc tụ là sự hội tụ của các nhập lại (từ nhãn nhập đến thân nhập và từ sắc nhập đến vị nhập). Sắc tụ đó còn được gọi là *sắc tương tục*, nối tiếp nhau chẳng dứt. Khiến cho vật chất (= *sắc*) khởi sanh ra, đó gọi là *sắc sanh*. Khiến cho vật chất chín muồi, đó gọi là *sắc lão*. Khi vật chất bị suy yếu, tàn tạ, đó gọi là *sắc vô thường*. Sanh khí của mọi loài chúng sanh được đứng vững, là nhờ vào thực phẩm, đó gọi là *đoàn thực*. Sắc nương theo giới và ý thức giới mà khởi lên, đó gọi là *giới*. *Xứ sắc* là các giới giải đãi, đó còn gọi là *sắc thù miên* (= ngu yên hay bất động).

Hai mươi sáu món vật chất do bốn đại tạo nên đó, cùng với bốn đại, lập thành ba mươi sắc chất.

Hỏi: Bốn đại và các sắc chất do bốn đại tạo nên, khác nhau thế nào?

Đáp: Bốn đại dựa vào nhau mà cùng sanh ra. Các sắc chất do bốn đại tạo thành nên nương theo bốn đại mà sanh ra. Nhưng các sắc chất do bốn đại tạo chẳng dựa theo bốn đại, lại cũng chẳng dựa vào các sắc chất khác do bốn đại tạo nên. Như ba cây gậy dựa vào nhau mà đứng vững, sự nương tựa vào nhau của bốn đại cũng được hiểu biết như vậy. Như hình bóng rơi

xuống của ba cây gậy dựa vào nhau mà đứng vững, các sắc chất do bốn đại tạo nên cũng được hiểu biết như thế.

Đó là chỗ khác biệt giữa hai loại: bốn đại và sắc chất do bốn đại tạo nên.

Người toạ thiền dùng năm cách để tìm biết thật rõ ràng về ba mươi sắc chất. Năm cách: (1) do khiến khởi lên, (2) do tụ hội lại, (3) do sanh ra, (4) do chủng loại, (5) do đồng nhưt.

Hỏi: Thế nào là do khiến khởi lên?

Đáp: Chín sắc chất do nhân duyên, nghiệp, mà khởi lên, đó là nhãn nhập, nhĩ nhập, tị nhập, thiệt nhập, thân nhập, nữ căn, nam căn, mạng căn và xứ sắc. Hai sắc chất do nhân duyên, tâm, mà khởi lên, đó là thân tác và khẩu tác. Một sắc chất do tùy thời, duyên, tâm, mà khởi lên, đó là thanh nhập. Bốn sắc chất do tùy thời, tâm, thực phẩm, nhân duyên, mà khởi lên, đó là sắc khinh, sắc nhuễn, sắc kham thọ trì và xứ sắc. Mười hai sắc chất do bốn nhân duyên mà khởi lên, đó là sắc nhập, thiệt nhập, vị nhập, Hư-không giới, sắc tụ, sắc tương tục, sắc sanh, đoàn thực và bốn giới. Hai sắc chất chẳng khởi lên, đó là sắc lão và sắc vô thường. Lại nữa, sanh làm nhân duyên gây nên già lão, già lão làm nhân duyên sanh ra vô thường. (*đoàn thực; đoàn = tròn; thực = ăn; thức ăn lấy tay vo tròn lại để nuốt vào miệng, theo lối ăn của người Ấn độ*)

Như thế, do khiến khởi lên mà biết được các sắc chất.

Hỏi: Thế nào là do hội tụ?

Đáp: Chín sắc chất khởi lên tụ về nghiệp, chín sắc chất khởi lên tụ về tâm, và ba sắc chất tụ về thực phẩm.

Hỏi: Thế nào là chín sắc chất khởi lên tụ về nghiệp?

Đáp: Đó là nhãn thập, nhĩ thập, tị thập, thiệt thập, thân thập, nữ căn thập, nam căn thập, mạng căn thập, và xứ thập.

Hỏi: Thế nào gọi là nhãn thập?

Đáp: Xứ của nhãn thập là bốn giới của nhãn thanh tịnh. Nhãn thập gồm có mười là: bốn giới, sắc, hương, vị, xúc, mạng căn và nhãn thanh tịnh. Mười món này cùng nhau sanh ra, chẳng hề lìa nhau ra, mới gọi đó là nhãn thập (*nhãn = mắt; thập = mười*). Mười món ấy khởi lên, gọi là sanh; chín muôi đi, gọi là già; suy yếu đi, gọi là vô thường; khi được phân biệt với nhau ra, gọi là Hư-không giới; chúng cùng hiện khởi với nhau theo bốn giai đoạn, đó là sanh, chín muôi, già và vô thường. Nhãn thập đó khi già đi thì sanh ra một nhãn thập thứ nhì, rồi cả hai nhãn thập, thứ nhứt và thứ nhì, tụ họp nhau lại, đó gọi là hội tụ. Chúng theo nhau nối tiếp, đó gọi là tương tục. Khi nhãn thập thứ nhì đã già lão thì sanh ra nhãn thập thứ ba, cùng hội tụ với nhãn thập thứ nhì, lại cùng nối tiếp nhau tương tục. Bây giờ, nhãn thập thứ nhứt đã suy tàn, nhãn thập thứ hai già lão, nhãn thập thứ ba sanh khởi, tất cả việc đó xảy ra trong một sát-na (= đơn vị thời gian hết sức ngắn). Các nhãn thập sanh khởi nhanh chóng như thế, nên chẳng ai có thể nhận thấy các chi tiết rõ ràng được. Người toạ thiền thấy nhãn tương tục nhau như dòng nước chảy, như ngọn lửa cứ mãi cháy, đó gọi là nhãn thập vậy.

Cùng thế ấy mà xét đến nhĩ thập, tị thập, thiệt thập, thân thập, nữ căn thập, nam căn thập và mạng căn cữu, do sự suy rộng ra mà hiểu được.

Hỏi: Thế nào là chín sắc chất khởi lên tụ về tâm?

Đáp: Đó là: thanh tịnh bát nghĩa, thanh tịnh thân tác cữu, thanh tịnh khẩu tác thập, thanh tịnh khinh cữu, khinh thân tác thập, khinh khẩu tác thập nhưt, thanh tịnh nhãn cữu, nhãn thân tác

thập, nhân khẩu tác thập như.

Hỏi: Thế nào là *thanh tịnh bát nghiã* khởi lên *tụ về tâm*?

Đáp: Bốn giới và sắc, hương, vị, xúc nương theo bốn giới, đó là tám món cùng nhau sanh ra, chẳng lia nhau ra khỏi các thập của chúng, và chúng được gọi là *thanh tịnh bát* (*bát* = tám). Khi chúng khởi lên, gọi là sanh; khi chúng chín muồi, gọi là già; khi chúng suy tàn, gọi là vô thường; khi chúng được phân biệt với nhau, gọi là Hư-không giới. Bốn giai đoạn đó: sanh, già, vô thường và Hư-không giới, cùng tùy thuộc nhau mà khởi lên. Đến khi thanh tịnh bát thứ nhứt tàn tạ, thì một thanh tịnh bát thứ nhì khởi lên trong một sát-na, biến chuyển và cùng hội tụ với một thanh tịnh bát thứ ba đang sanh ra, cả ba cùng hội tụ về tâm.

Cùng thế ấy mà xét đến các thanh tịnh khinh cửu, thanh tịnh nhân cửu. Sáu nhóm còn lại (trừ thanh tịnh bát, thanh tịnh khinh cửu và thanh tịnh nhân cửu ra) chẳng suy tàn mà trong một sát na cũng chẳng khởi lên món thứ nhì. Tại sao vậy? Vì trong một chuyển động của tâm chẳng thể nào có được hai động tác. Phần còn lại về nhóm chín sắc chất tụ về tâm này đã được nói qua trước đây.

Hỏi: Thế nào là sáu nhóm khởi lên *tụ theo thời tiết*?

Đáp: Đó là: thanh tịnh bát, thanh tịnh thanh cửu, thanh tịnh khinh cửu, khinh thanh thập, thanh tịnh nhân cửu, nhân thanh thập. Có hai nhóm tụ phía bên ngoài: thanh tịnh bát và thanh cửu.

Hỏi: Thế nào là ba sắc chất khởi lên *tụ theo thực phẩm*?

Đáp: Đó là: thanh tịnh bát, thanh tịnh khinh cửu, thanh tịnh nhân cửu. Các sắc chất do thời tiết và thực phẩm khởi lên tương tục nhau hội tụ, lại cũng do theo nghiệp và xứ.

Mạng cửu thiên (*mạng* = mạng sống; *cửu* = chín, *thiên* = cảnh Trời) tụ nơi cõi dục giới, do theo nghiệp và xứ mà thành.

Tám nhóm tụ hội do thọ mạng mà sanh hoạt: mũi, lưỡi, thân, nam căn, nữ căn, và ba khinh sắc và thủy miên. Nơi cõi sắc giới, các sắc chất này chẳng có thọ mạng.

Chín nhóm tụ nơi cõi Phạm thiên vô tướng, nơi thân của chúng, tất cả các nhập sanh hoạt được.

Như thế, do sự hội tụ lại mà biết rõ được các sắc chất.

Hỏi: Thế nào là *do sự sanh khởi* mà biết được sắc chất?

Đáp: Đối với nam hay nữ khi nhập vào bào thai, trong sát-na sanh ra ba mươi sắc chất: xứ thập, thân thập, hoặc nữ căn thập, hoặc nam căn thập. Đối với hạng người bán nam bán nữ (phái tính chẳng phân biệt rõ), thì chỉ có hai mươi sắc chất khởi sanh: xứ thập và thân thập mà thôi.

Nơi cõi dục giới hoá sanh, có đủ các căn các nhập, người nam hay nữ trong sát-na khởi sanh bảy mươi sắc chất: xứ thập, thân thập, nhân thập, nhĩ thập, tị thập, thiết thập, hoặc nữ căn thập, hoặc nam căn thập.

Nơi đường ác hoá sanh, người sanh manh (= sanh ra đã mù) trong sát-na khởi sanh sáu mươi sắc chất, trừ mười sắc chất về mắt (= *nhãn thập*). Người sanh ra đã điếc, chỉ có sáu mươi sắc chất, trừ nhĩ thập. Còn người sanh ra đã mù và điếc thì chỉ có năm mươi sắc chất, thiếu nhãn thập và nhĩ thập.

Cũng nơi đường ác hoá sanh, người bán nam bán nữ chỉ có sáu mươi sắc chất khởi sanh trong một sát-na, thiếu mất nam hoặc nữ căn. Nếu người bán nam bán nữ sanh ra đã mù sần, chỉ có năm mươi sắc chất khởi sanh, trừ nam nữ căn thập và nhãn thập. Người bán nam bán nữ sanh ra đã điếc, thì thiếu nam nữ căn thập và nhĩ thập. Còn người bán nam bán nữ vừa mù vừa điếc thì chỉ có năm mươi sắc chất, thiếu mất nam, nữ căn thập, nhãn thập và nhĩ thập.

Nơi cõi Phạm thiên, trong sát-na khởi sanh bốn mươi chín sắc chất: xứ thập, nhãn thập, nhĩ thập, thân thập và mạng căn cừ.

Nơi cõi Vô tưởng thiên, trong sát-na khởi sanh chỉ có chín sắc chất là mạng căn cừ.

Như thế, *do sanh khởi* mà biết rõ được các sắc chất.

Hỏi: Thế nào là *do chủng loại* mà biết được sắc chất?

Đáp: Tất cả các sắc chất có thể xếp loại thành *hai chủng loại*, *ba chủng loại* và *bốn chủng loại*.

Thuộc về *hai chủng loại*, có các sắc chất *lớn* và các sắc chất *nhỏ* (vi tế), như lớn thì mười hai sắc nhập trong và ngoài, có nghĩa về đối tượng; và mười tám sắc chất kia thì tế, vì chẳng có đối tượng. Lại nữa, cũng thuộc về *hai chủng loại*, các sắc chất bên trong và các sắc chất bên ngoài. Như thế, thì năm sắc chất thành nhãn nhập bên trong, có nghĩa về cảnh giới; còn hai mươi lăm sắc chất kia thì thuộc bên ngoài, chẳng có nghĩa về cảnh giới. Lại nữa, cũng thuộc thêm về *hai chủng loại*, các sắc chất có mạng căn và chẳng có mạng căn. Tám sắc chất có mạng căn là năm nội nhập, nữ căn, nam căn và mạng căn, vì ý nghĩa tùy thuộc; còn hai mươi hai sắc chất còn lại chẳng có mạng căn, vì chẳng có ý nghĩa tùy thuộc.

Thuộc về *ba chủng loại*, có các sắc chất có thọ cảm, chẳng thọ cảm, và chịu sự hoại diệt. Như thế, có chín sắc chất có thọ cảm là tám căn, và xứ sắc, do nghiệp báo tạo thành. Chín sắc chất chẳng thọ cảm là thanh nhập, thân tác, khẩu tác, sắc khinh, sắc nhuyễn, sắc kham thọ tri, sắc lão, sắc vô thường và sắc thủy miên, đều chẳng do nghiệp báo tạo thành. Mười hai sắc chất còn lại đều chịu sự hoại diệt. (...)

Lại nữa, cũng thuộc về *ba chủng loại*, có các sắc chất có đối tượng thấy được, các sắc chất có đối tượng chẳng thấy được và các sắc chất chẳng có đối tượng thấy được. Như thế, sắc nhập là một sắc chất có đối tượng thấy được; mười một sắc chất có đối tượng chẳng thấy được là các nhập còn lại, trừ sắc nhập ra, đối tượng của chúng tuy chẳng thấy được, nhưng xúc chạm đến được. Các sắc chất vi tế còn lại thì chẳng có đối tượng thấy được, hoặc xúc chạm được.

Thuộc về *bốn chủng loại*, phân ra thành sắc chất có tự tánh, sắc chất có hình sắc, sắc chất có tướng, sắc chất có phân biệt. Như thế, mười chín sắc chất có tự tánh, gồm có mười hai sắc chất lớn với nữ căn, nam căn, mạng căn, thủy giới, đoàn thực, xứ sắc và miên sắc, do theo nghĩa rất rảo. Bảy sắc chất có hình sắc là thân tác, khẩu tác, sắc khinh, sắc nhuyễn, sắc kham thọ tri, sắc thọ, sắc tương tục. Các sắc chất có tự tánh đều biến chuyển theo ba tướng: tướng sanh, tướng lão và tướng vô thường. Do Hư-không giới mà có sự phân biệt giữa các sắc chất hữu vi (*hữu vi* = chịu biến đổi theo điều kiện nhân duyên) và do đó các sắc chất có tự tánh được phân biệt với nhau, còn các sắc chất khác còn lại thì chẳng phân biệt.

Như thế, nhờ *do các chủng loại* mà biết rõ được các sắc chất.

Hỏi: Thế nào là *do tánh cách đồng nhất* mà biết được các sắc chất?

Đáp: Tất cả các loại sắc chất đều chẳng nguyên nhân, cũng chẳng nguyên nhân, có nhân duyên, có nhân duyên chẳng tương ứng, hữu vi (= chịu biến đổi theo điều kiện, nhân duyên), bị ràng buộc vào đời thế tục, hữu lậu (= gây ra phiền não), có dính líu, có ràng buộc,

có tràn ngập, đè nặng như ách, bị che đậy, bị lôi theo các neo, có phiền não, bất định, chẳng có đối tượng, chẳng có tâm sở tương ứng, liên hệ với cõi dục giới, (...) chẳng cùng với vui khởi lên, chẳng cùng với khổ khởi lên, chẳng cùng với chẳng vui chẳng khổ khởi lên, chẳng khiến hội tụ cũng chẳng khiến hội tụ, chẳng thuộc học giới, cũng chẳng chẳng thuộc học giới, chẳng do chánh kiến đoạn được, cũng chẳng do tự tánh đoạn được.

Như thế, do tánh cách đồng nhưt đó mà biết được các sắc chất.

Trên đây là nói về *sắc ấm*.

Hỏi: Thế nào là *thọ ấm*?

Đáp: Nếu phân biệt theo *tướng* thì chỉ có *một cảm thọ*; cảm thọ là những gì tâm đang thể nghiệm. Nếu phân biệt theo *xứ* (= nơi chốn), thì có *hai loại cảm thọ*: thân thọ và ý thọ. Nếu phân biệt theo *tự tánh*, thì có *ba loại cảm thọ*: cảm thọ vui, cảm thọ khổ, và cảm thọ chẳng vui chẳng khổ. Nếu phân biệt theo *pháp*, thì có *bốn loại cảm thọ*: cảm thọ thiện, cảm thọ chẳng thiện, cảm thọ bảo đảm, cảm thọ về sự việc. Nếu phân biệt theo *căn* (= nguồn gốc) thì có *năm loại cảm thọ*: lạc căn (căn vui), khổ căn, hi căn (căn mừng), ưu căn (căn lo), xả căn (căn buông xả). Nếu phân biệt theo *trắng, đen* thì có *sáu loại cảm thọ*: cảm thọ vui hữu lậu (= còn bị phiền não khuấy rối), cảm thọ vui vô lậu (= sạch hết phiền não), cảm thọ khổ hữu lậu và vô lậu, cảm thọ chẳng khổ chẳng vui hữu lậu và vô lậu. Nếu phân biệt theo *cửa vào* thì có *bảy loại cảm thọ*: cảm thọ sanh từ mắt, từ tai, từ mũi, từ lưỡi, từ thân, từ ý giới, và từ ý thức giới.

Nếu phân biệt thật rộng thì có tất cả một trăm lẻ tám cảm thọ: sáu cảm thọ y theo ái (= thương yêu) khởi lên, sáu cảm thọ y theo sự xuất ly (= liả xa) mà khởi lên, sáu theo ái ưu (*ưu* = lo) mà khởi lên, sáu y theo sự ly ái (= liả sự thương yêu) mà sanh ra, sáu y theo sự ái xả mà khởi lên, sáu theo sự xả ly mà khởi lên. Như thế sáu lần sáu là ba mươi sáu, hơn lên cho ba thời (quá khứ, hiện tại và vị lai) thành ra tất cả là một trăm lẻ tám cảm thọ.

Đó là thọ ấm.

Hỏi: Thế nào là *tướng ấm*?

Đáp: Phân biệt theo *tướng*, thì có *một tướng*, là do theo đó mà tâm biết được sự việc. Nếu phân biệt theo *trắng, đen*, thì có *hai tướng*, đó là tướng điên đảo (= lộn ngược) và tướng chẳng điên đảo. Nếu phân biệt theo sự *chẳng lành*, thì có *ba tướng*: tư tướng tham muốn, tư tướng giận hờn, và tư tướng gây tổn hại. Nếu phân biệt theo sự *lành*, thì cũng có *ba tướng*: tư tướng xuất ly, tư tướng chẳng hờn giận, và tư tướng chẳng làm tổn hại. Nếu phân biệt theo sự *chẳng hiểu nghĩa tự tánh*, thì có *bốn tướng*: có tư tướng tịnh trước sự vật bất tịnh, có tư tướng vui trước việc khổ, có thường tướng trước sự vật vô thường, có ngã tướng trước sự vật vô ngã. Nếu phân biệt theo sự *chẳng hiểu nghĩa về nơi chốn*, thì cũng có *bốn tướng*: tướng bất tịnh, tướng khổ, tướng vô thường và tướng vô ngã. Nếu phân biệt theo *Luật tạng*, thì có *năm tướng*: nơi bất tịnh có tướng tịnh, nơi bất tịnh có tướng bất tịnh, nơi tịnh có tướng bất tịnh, nơi tịnh có tướng tịnh và tướng nghi. Nếu phân biệt *theo sự việc* thì có *sáu tướng*: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng và pháp tướng (*pháp* = ở đây, là sự vật). Nếu phân biệt theo *cửa các giác quan*, thì có *bảy tướng*: các tư tướng sanh ra theo sự tiếp xúc ở mắt, ở tai, ở lưỡi, ở xúc chạm, ở thân, ở ý, và ở ý thức giới.

Đó là tướng ấm.

Hỏi: Thế nào là *hành ấm*?

Đáp: Ngoại trừ các cảm thọ và tư tướng ra, tất cả các tâm sở đều thuộc về hành ấm; đó là: xúc (= tiếp xúc), tư (= suy tư), giác, quán, tâm, tinh tấn, niệm, định, huệ, mạng căn, cái (= che đậy), vô tham (= chẳng tham), vô sân (= chẳng giận), tầm (= tự thẹn), quý (hỗ thẹn với người),

ỷ (= ở đây có nghĩa là khinh an, nhẹ nhàng), dục, giải thoát, giải đãi, vô tâm (= chẳng biết tự thẹn), và vô quý (= chẳng biết thẹn với người).

Xúc là, tâm tiếp xúc với đối tượng, cũng như ánh sáng mặt trời chiếu lên tường, là túc xứ của tư tưởng (*túc xứ* = ở đây có nghĩa là đủ để làm khởi lên). *Tư* là, tâm chuyển động như làm nhà trông đất, là túc xứ của cửa vào đối tượng. *Giác* là, tâm vận hành như chủ tâm đọc tụng kinh, là túc xứ của tư tưởng. *Quán* là, tâm quan sát đối tượng, theo sát với nghĩa, là túc xứ của giác. *Hỉ* là, tâm mừng rỡ như người được vật gì, là túc xứ của mừng rơn nhảy nhót. *Tâm* là, tâm trong sạch như người đọc chú đề lọc nước, là túc xứ của bốn phần đạo quả Tu-đà-huờn. *Tinh tấn* là, tâm đồng mãnh như con trâu khoẻ kéo nổi vật nặng, là túc xứ của tám sự xúc động. *Niệm* là, tâm biết giữ gìn như cầm chén dầu đầy (sợ đổ), là túc xứ của tứ niệm xứ. *Định* là, tâm chuyên như từ ngọn đèn trong cung điện, là túc xứ của bốn cấp thiền. *Huệ* là, tâm nhìn thấy rõ như người có mắt, là túc xứ của Bốn Thánh đế. *Mạng cần* là, một pháp vô sắc trở vào mạng sống, như nước đối với hoa sen, là túc xứ của Danh-Sắc. *Cái* là, tâm biết là sự ác như người muốn sống phải tránh xa thuốc độc, là túc xứ của sự tu hành thiện. *Bát tham* là, tâm buông bỏ mỗi ràng buộc như được khỏi trách nhiệm, là túc xứ của sự thoát ly. *Bát sân* là, tâm chẳng giận hờn, dịu như lông mèo, là túc xứ của bốn tâm vô lượng. *Tâm* là, tâm biết hổ thẹn nơi việc làm ác, như gớm ghét cứt dái, là túc xứ của sự tự trọng. *Quý* là, tâm sợ sự làm ác, như nề sợ vị quan lớn, là túc xứ của sự kính kè khác. *Ỡ* là, đã dứt tâm giao động, như người đang nóng nực dùng nước mát lạnh tắm rửa, là túc xứ của hi (= nổi mừng). *Dục* là, tâm vui làm việc lành như người bỏ thí có lòng tin tưởng, là túc xứ của bốn như ý túc. *Giải thoát* là, tâm như dòng nước sâu uốn quanh chảy xuống thấp, là túc xứ của giác và quán. *Xả* là, tâm chẳng đi chẳng đến, như người đang cầm cây cân, là túc xứ của sự tinh tấn. *Tác ý* là, tâm khiến khởi lên pháp tắc, như người cầm bánh lái, là túc xứ của việc thiện và bất thiện. *Tham* là, tâm bám níu, như con ngỗng, là túc xứ của sắc đáng yêu thích. *Sân khuê* là, tâm khích động như rắn độc giận dữ, là túc xứ của mười thứ giận hờn. *Vô minh* là, tâm chẳng thấy được gì, như người mù, là túc xứ của bốn điều điên đảo. *Mạn* là, tâm cao ngạo, như hai người đang đánh nhau, là túc xứ của ba loại kiêu mạn. *Kiến thủ* là, tâm cố chấp, như người mù sờ voi, là túc xứ của các điều cứ nghe người nói mà chẳng nghĩ cho chơn chánh. *Điệu* (hay *Trao*) là, tâm chẳng ở yên như nước đang sôi sùng sục, là túc xứ của sự tinh tấn quá gấp. *Hối* là, tâm thoái lui như thích điều chẳng sạch, là túc xứ của sự mất điều thiện, làm điều ác. *Nghi* là, tâm chấp vào nhiều việc như người đến nước xa lạ phân vân trước ngã ba đường, là túc xứ của sự tác ý chẳng chơn chánh. *Giải đãi* là, tâm lười nhác như con rắn khoanh mình ẩn trốn, là túc xứ của sự lười biếng. *Vô tâm* là, tâm làm ác chẳng biết hổ thẹn như kẻ chiêm-đà-la (= kẻ cùng đing hạ tiện), là túc xứ của sự chẳng cung kính. *Vô quý* là, tâm làm ác mà chẳng sợ hãi, như vị vua tàn ác, là túc xứ của sáu thứ bất cung kính.

Đó là hành âm.

Hỏi: Thế nào là **thức âm**?

Đáp: Thức âm gồm có: nhãn thức, nhĩ thức, tị thức, thiệt thức, thân thức, ý giới, ý thức giới. Như thế, *nhãn thức* là, mắt duyên theo sắc mà sanh ra thức (= sự hiểu biết) gọi là nhãn thức. *Nhĩ thức* là, tai duyên theo âm thanh mà sanh ra sự hiểu biết gọi là nhĩ thức. *Tị thức* là, mũi duyên theo mùi hương mà sanh ra sự hiểu biết gọi là tị thức. *Thiệt thức* là, lưỡi duyên theo vị nếm mà sanh ra sự hiểu biết gọi là thiệt thức. *Thân thức* là, thân duyên theo sự va chạm mà sanh ra sự hiểu biết gọi là thân thức. *Ý giới* là, duyên theo nơi năm đối tượng của năm thức, trước sau có thứ lớp, sanh ra thức, đó gọi là ý giới. *Ý thức giới* là, ngoại trừ sáu thức vừa kể ra, phần còn lại của tâm được gọi là ý thức giới.

Bảy thức trên, dùng ba cách để tìm biết được rõ ràng: do *xứ sự* (*xứ* = nơi chốn; *sự* = đối tượng) do *sự* và do *pháp* (= sự vật).

Hỏi: Thế nào là *do xứ sự* mà biết rõ được các thức?

Đáp: Năm thức trước (từ nhân thức đến thân thức) khác nhau về nơi chốn (= xứ) và về đối tượng (= sự). Ý giới và ý thức giới cùng chung một xứ. Ý giới có năm đối tượng (= sự), còn ý thức giới có sáu đối tượng. Năm thức trước có sự việc bên trong (= nội pháp), xứ cũng bên trong (= nội xứ), nhưng đối tượng lại ở ngoài (= ngoại sự). Ý giới cũng có sự việc bên trong (= nội pháp), nhưng xứ và đối tượng ở bên ngoài. Ý thức giới cũng có sự việc bên trong, xứ ở bên ngoài mà đối tượng có thể bên trong hoặc bên ngoài (= nội pháp, ngoại xứ, nội ngoại sự). Xứ và đối tượng của sáu thức (trừ ý thức giới) do từ quá khứ sanh ra. Xứ của Ý thức giới khởi sanh khi nhập thai, trong một sát-na (= đơn vị thời gian hết sức ngắn). Ở cõi vô sắc giới, chẳng có xứ và sự của thức.

Như thế, *do xứ sự* mà biết được các thức.

Hỏi: Thế nào *do sự* (đối tượng) mà biết được các thức?

Đáp: Năm thức trước đều có cảnh giới riêng. Chúng chẳng sanh ra lẫn nhau, chẳng sanh trước nhau hoặc sanh sau, chúng cùng khởi chung chẳng lìa ra. Về năm thức, chẳng thể cùng một lúc mà biết rõ hết cả năm, trừ thức nào đến trước. Qua ý giới, cũng chẳng thể biết rõ mọi sự việc, trừ phi ý nào được chuyển vào. Qua sáu thức (năm thức trước và ý giới), có trạng thái chẳng yên, nhờ vào sự tấn tốc (= nhanh chóng) mà an định được. Qua sáu thức, chẳng có sự thọ tri về thân nghiệp, khẩu nghiệp, và về thiện hay bất thiện; phải nhờ vào sự tấn tốc mới có thọ tri. Qua sáu thức chẳng thể nhập định và xuất ra an tưởng được, có tấn tốc mới nhập định và khiến hậu phần (= phần sau) được an tưởng. Qua sáu thức, chẳng có sự cáo chung, chẳng có sự khởi sanh. Qua sáu thức chẳng có sự ngủ, thức giấc hay nằm mộng, chỉ có hậu phần của thức mới là thức, ngủ hay nằm mộng.

Hoặc do hậu phần, hoặc sự chấm dứt đối tượng, hoặc do quả báo mà ý thức giới khởi sanh.

Như thế, *do đối tượng* (= sự) mà biết rõ được các thức.

Hỏi: Thế nào là *do pháp* (= sự vật) mà biết được các thức?

Đáp: Năm thức trước có giác, có quán. Ý giới cũng có giác, có quán. Ý thức giới khi thì có giác có quán, khi thì chẳng có giác mà có ít quán, khi thì chẳng giác chẳng quán. Năm thức trước cùng đi với xả, riêng thân thức khi thì đi với khổ, khi thì với lạc (= vui). Ý thức giới khi thì đi với hi, khi thì đi với ưu (= lo), hoặc với xả. Năm thức trước y theo quả báo; còn ý giới thì hoặc theo quả báo hoặc theo phương tiện. Cả sáu thức (trừ ý thức giới ra) đều là pháp thế gian, chẳng nguyên nhân, chẳng phát khởi, có phiền não, có kết sử, có dây ràng buộc, có bị trần ngập, có bị ách đè nặng, có sự che đậy, xúc chạm, chẳng do ý kiến hay suy tư mà đoạn bỏ được, chẳng làm hội tụ, chẳng học hay chẳng thể học được, (...) bất định. Ý thức giới hủy hoại được tất cả.

Như thế là *do pháp* (= sự vật) mà biết rõ được các thức.

Trên đây là *thức ám*.

Lại nữa, **năm ám** đó có thể dùng bốn cách để biết được rõ ràng. Bốn cách đó là: *do nghĩa câu*, *do tướng*, *do phân biệt* và *do thấu nhiếp*.

Hỏi: Thế nào là *do nghĩa câu* mà biết rõ về năm ám?

Đáp: *Sắc* là nghĩa hiển hiện rõ ra. *Thọ* là nghĩa có thể cảm nhận lấy. *Tương* là nghĩa biết. *Hành* là nghĩa làm, hành động. *Thức* là nghĩa hiểu rõ. *Ám* là nghĩa tập hợp các loại kể trên chung lại.

Như thế, *do nghĩa chữ* mà biết rõ được năm ám.

Hỏi: Thế nào là *do tướng* mà biết rõ về năm âm?

Đáp: Tướng của *sắc* trông như gai nhọn. Bốn đại làm khởi lên *sắc*. Tướng của *thọ* như ghê sợ người bệnh cùi. Xúc làm khởi lên *thọ*. Tướng của *tướng* là tướng gìn giữ, tướng làm, như vẽ hình tượng. Xúc cũng làm khởi lên *tướng*. Tướng của *hành* là tướng hoà hiệp lại, như chuyên bánh xe. Xúc lại cũng làm khởi lên *hành*. Tướng của *thức* là tướng hiểu biết như biết đến vị nếm. Danh-Sắc làm khởi lên *thức*.

Như thế, *do tướng* mà biết rõ được năm âm.

Hỏi: Thế nào là *do phân biệt* mà biết rõ được năm âm?

Đáp: Năm âm được phân biệt thành ba loại: năm *âm*, năm *thọ âm*, năm *pháp âm*. Như thế, năm *âm* trở vào tất cả sự vật hữu vi (= sự vật do tạo tác mà thành, chịu sự biến đổi theo điều kiện). Năm *thọ âm* là tất cả những sự vật hữu lậu (= có phiền não). Năm *pháp âm* là: giới âm, định âm, huệ âm, giải thoát âm và giải thoát tri kiến âm. Năm pháp âm này ta nên vui học.

Như thế, *do phân biệt* mà biết rõ về năm âm.

Hỏi: Thế nào là *do thâm nhiếp* mà biết rõ năm âm?

Đáp: Có thể thâm nhiếp các âm vào ba loại: *nhập nhiếp*, *giới nhiếp* và *đế nhiếp*.

Như thế, được thâm nhiếp vào *nhập nhiếp* và vào *giới nhiếp*, có sắc âm, ba pháp âm và thức âm.

Được thâm nhiếp vào *giới nhiếp*, có giới âm, định âm, huệ âm, giải thoát âm, giải thoát tri kiến âm, pháp và pháp nhập, pháp giới, ý nhập và ý giới.

Được thâm nhiếp vào *đế nhiếp*, có năm thọ âm, khổ đế, tập đế. Năm âm, có thể hoặc chẳng có thể, được thâm nhiếp và *đế nhiếp*. Giới âm, định âm, huệ âm, do *đạo đế* thâm nhiếp. Còn giải thoát âm chẳng do *đế nhiếp* thâm nhiếp. Giải thoát tri kiến âm lại do *khổ đế* thâm nhiếp.

Có pháp được âm thâm nhiếp mà chẳng do đế thâm nhiếp; có pháp được đế thâm nhiếp mà chẳng do âm thâm nhiếp; có pháp vừa được âm vừa được đế thâm nhiếp; có pháp chẳng do âm thâm nhiếp cũng chẳng do đế thâm nhiếp. Như thế, được âm thâm nhiếp mà chẳng do đế thâm nhiếp là các pháp chẳng bị căn ràng buộc, và quả Sa-môn tương ưng với đạo. Nê-hoàn (= Niết-bàn) được đế thâm nhiếp, chẳng do âm thâm nhiếp. Ba đế vừa được âm và đế cùng thâm nhiếp. Sự tiết chế chẳng do âm mà cũng chẳng do đế thâm nhiếp.

Như thế, *do sự thâm nhiếp* mà biết rõ về năm âm.

Trên đây là *ám phương tiện*.

Hỏi: Thế nào là *nhập phương tiện*?

Đáp: Có tất cả mười hai nhập: nhãn nhập, sắc nhập; nhĩ nhập, thanh nhập; tỉ nhập, hương nhập; thiệt nhập, vị nhập; thân nhập, xúc nhập; ý nhập, pháp nhập. Như thế, nhãn nhập là giới thanh tịnh khiến thấy được sắc. Sắc nhập là phạm vi hình sắc, mô dạng thuộc cảnh giới của mắt. Nhĩ nhập là giới thanh tịnh khiến nghe được âm thanh. Thanh nhập là phạm vi của âm thanh thuộc cảnh giới của lỗ tai. Tỉ nhập là giới thanh tịnh khiến ngửi được mùi. Hương nhập là phạm vi của mùi thuộc cảnh giới của lỗ mũi. Thiệt nhập là giới thanh tịnh khiến nếm biết được vị. Vị nhập là phạm vi của khí vị thuộc cảnh giới của lưỡi. Thân nhập là giới thanh tịnh khiến cảm xúc được các hoạt động vi tế. Xúc nhập là phạm vi của địa giới, thủy giới, hoả giới,

phong giới, cứng chắc, nhu nhuyễn, lạnh, nóng thuộc cảnh giới của thân. Ý nhập là bảy thức giới. Pháp nhập là ba vô sắc âm, mười tám sắc vi tế và pháp Niết-bàn.

Lại nữa, do nắm cách mà biết được rõ ràng về mười hai nhập. Đó là: do nghĩa câu, do cảnh giới, do duyên, do đối tượng xấp lại gần mà khởi ý phân biệt, và do thấu nhiếp.

Hỏi: Thế nào là *do nghĩa câu* mà biết rõ được các nhập?

Đáp: Nhãn có nghĩa là thấy. Sắc có nghĩa là hiển hiện ra rõ. Nhĩ có nghĩa là nghe. Thanh có nghĩa là tiếng, âm thanh. Tị có nghĩa ngửi. Hương có nghĩa là mùi thơm. Thiệt có nghĩa là lưỡi nếm. Vị có nghĩa là khí vị, vị nếm. Thân có nghĩa là chánh tri, (thể nghiệm, chịu đựng). Xúc có nghĩa kề cận, đụng chạm. Ý có nghĩa là biết. Pháp có nghĩa chẳng có sanh mạng. Nhập có nghĩa là cửa vào các vô sắc pháp, nghĩa nơi chốn, nghĩa thọ trì. Như thế, *do nghĩa* mà biết được rõ các nhập.

Hỏi: Thế nào là *do cảnh giới* mà biết rõ được các nhập?

Đáp: Nhãn (= mắt), nhĩ (= tai) chẳng đến tận cảnh giới của đối tượng. Tị (= mũi), thiệt (= lưỡi) đến được cảnh giới của đối tượng. Ý cùng với đối tượng có chung cảnh giới.

Lại có thuyết cho rằng, tại có thể đến cảnh giới của đối tượng. Tại sao? Vì chỉ khi có sự ngăn cách ở gần mới chẳng nghe được, như trường hợp đọc chú thuật. Lại có thuyết khác cho rằng, mắt có thể từ cảnh giới của nó mà đến cảnh giới của vật. Tại sao? Vì chẳng thấy được phía bên kia tường.

Như thế, *do cảnh giới* mà biết rõ các nhập.

Hỏi: Thế nào là *do nhân duyên* mà biết rõ các nhập?

Đáp: Khi các duyên: nhân, sắc, ánh sáng, tác ý, hội đủ lại thì sanh ra nhãn thức. Như thế có bốn duyên sanh ra nhãn thức: duyên sơ sanh (sơ sanh = đã sanh ra trước), duyên ý, duyên căn, và duyên hữu (hữu = hiện hữu). Sắc có ba duyên để khởi sanh: duyên sơ sanh, duyên đối tượng, duyên hữu. Ánh sáng cũng có ba duyên: duyên sơ sanh, duyên ý và duyên hữu. Tác ý có hai duyên: theo thứ lớp, chẳng do duyên hữu.

Khi đủ các duyên: duyên nhĩ (= lỗ tai), duyên Hư-không, duyên tác ý, thì nhĩ thức sanh ra. Các duyên sanh ra tị thức là duyên tị (= mũi), duyên mùi hương, duyên gió, duyên tác ý. Sanh ra thiệt thức, khi hội đủ các duyên: lưỡi, vị, nước và tác ý. Thân thức này sanh khi có đủ các duyên: thân, xúc và tác ý. Ý thức sanh ra khi hội đủ các duyên: ý, pháp, giải thoát, tác ý.

Như thế, ý thì thuộc về hậu phần (= phần sau), còn tâm pháp là pháp sự (= đối tượng của pháp; pháp = ở đây có nghĩa là sự vật). Do đó, có thể sắp thành bốn loại. Loại thứ nhất gồm có sáu nội nhập về quá khứ, hiện tại và vị lai. Loại thứ nhì gồm có năm ngoại nhập về quá khứ, hiện tại và vị lai, ngoại trừ nhập chẳng do căn. Loại thứ ba gồm các pháp nhập. Loại thứ tư gồm có mười một môn: chúng sanh, phương hướng, thời gian, phạm tội, đầu-đá, tất cả tướng vô sở hữu, nhập định, thiền định, diệt, suy tư việc thật, suy tư việc chẳng thật.

Cả bốn loại đó gọi chung là pháp sự.

Chuyện tâm có nghĩa là tâm theo sát với, đúng như lý. *Tác ý* có nghĩa là từ cửa ý mà chuyên vào. *Ý thức* có nghĩa là tâm nhanh chóng lấy ngay ý đó làm duyên cho ý thức. *Pháp* có nghĩa là do hai duyên: duyên thứ lớp và duyên hữu.

Như thế, *do nhân duyên* mà biết rõ các nhập.

Hỏi: Thế nào là *do xấp lại gần để khởi lên ý phân biệt* mà biết rõ các nhập?

Đáp: Khi đối tượng tới cửa mắt, có ba loại *xấp lại gần*, sắp thành ba bậc: bậc cao (rất mạnh mẽ), bậc trung (vừa vừa) và bậc thấp (yếu ớt). (...).

Như thế, khi đối tượng mạnh mẽ xấp lại gần mắt (bậc cao) thì có bảy động tác của tâm khởi lên theo thứ lớp như sau: dòng hiện hữu (*hữu phần tâm*) khởi lên chuyển cái thấy (*chuyển kiến tâm*) vào trong đề cảm nhận (*sơ thọ tâm*), thấy được phân biệt (*phân biệt tâm*), làm tâm chuyển động lên (*linh khởi tâm*), nhanh chóng hiểu được (*tốc hành tâm*) và ghi nhận lấy đối tượng (*bị sự tâm*).

Hữu phần tâm có nghĩa là nơi dòng hiện hữu (tức là nơi cuộc sống sanh tồn đang trôi chảy), nhân căn (= mắt) đánh thức tâm dậy như thể là đang kéo sợi giấy. *Chuyển tâm* có nghĩa là nơi cửa mắt, đối tượng sắc xấp lại, làm nhân duyên chuyển vào ý giới, khiến tâm hữu phần rung động lên, thấy đối tượng sắc mà chuyển vào, như thế làm chuyển tâm khởi lên. Chuyển tâm dựa theo mắt thấy được sắc làm khởi lên *thọ tâm* đề cảm nhận. Theo ý nghĩa của đối tượng sắc hiện nhận được, thọ tâm liền làm khởi sanh *phân biệt tâm*. Tâm phân biệt này lấy ý nghĩa vừa được phân biệt khiến nảy sanh ra *linh khởi tâm*. Tâm linh khởi này lấy ý nghĩa đó, do theo nghiệp mà khởi lên *tốc hành tâm*. Tâm tốc hành này sanh ra hành động do theo nghĩa tốc hành, chớ chẳng do phương tiện, và ghi nhận kết quả liên quan đến đối tượng. Sau đó, tâm liền rơi trở lại hữu phần tâm.

Hỏi: Có thí dụ nào giải thích rõ thêm chăng?

Đáp: Có, thí dụ về trái xoài. Nhà vua đang nằm nghỉ trên long sàng, cửa thành bên ngoài đóng kín. Người nữ tì cầm đang đấm bóp chơn của Vua. Hoàng hậu ngồi gần bên. Các đại thần và thị thần đang đứng trước mặt Vua. Người giữ cửa, tai điếc, đang dựa lưng vào công thành. Bấy giờ, người giữ vườn mang các trái xoài vào, đến gõ cửa. Đức Vua nghe tiếng, tỉnh dậy, ra lệnh cho người con gái cầm ra mở cửa. Người gái cầm vâng lệnh, dùng tay ra dấu hiệu nói với người điếc giữ cửa. Người này hiểu ý liền mở cửa thành và thấy các trái xoài. Vua vỗ vào grom; gái cầm liền nhận trái, đem dung lên vị đại thần. Vị đại thần trao lại cho Hoàng hậu. Hoàng hậu rửa sạch, lựa trái chín, trái sống để riêng ra, rồi dâng lên Vua. Vua ăn. Khi ăn xong, Vua nói trái nào ngon, trái nào chẳng ngon. Rồi đó, Vua trở lại nằm ngủ.

Như thế, lúc trước Vua còn đang nằm nghỉ, cũng như *hữu phần tâm*. Khi người làm vườn gõ cửa thành, đó cũng như tại nơi cửa mắt, đối tượng của sắc *xấp đến gần*. Như khi Vua nghe tiếng gõ cửa, tỉnh giấc, sai gái cầm ra mở cửa, đó cũng như do nhân duyên mà *chuyển vào nơi ý giới*, khiến cho tâm hữu phần rung động lên. Người gái cầm ra dấu hiệu khiến người điếc giữ cửa hiểu được mà ra mở cửa, đó là *chuyển tâm*. Như người điếc mở cửa nhìn thấy các trái xoài, đó cũng như *thọ tâm*. Vị đại thần nhận lấy trái rồi trao lại cho Hoàng hậu, đó cũng như *phân biệt tâm*. Hoàng hậu rửa sạch, lựa trái ra rồi dâng lên Vua, đó cũng như *linh khởi tâm*. Nhà Vua ăn trái xoài, đó cũng như *tốc hành tâm*. Ăn xong, Vua khen trái này, chê trái kia, đó cũng như *bị sự tâm* ghi nhận kết quả của đối tượng. Khi Vua nằm ngủ trở lại, đó cũng như trở về *hữu phần tâm* như cũ.

Về các đối tượng *chạm giáp* vào cửa mắt, với mức độ trung bình, thì tốc hành tâm khởi lên đưa thẳng chẳng ngừng vào hữu phần tâm. Về các đối tượng xấp đến gần cửa mắt với mức độ thấp, thì linh khởi tâm khởi lên đưa thẳng chẳng ngừng vào hữu phần tâm. Như thế, đối với cửa của các giác quan khác, có thể cùng cách trên mà suy ra để biết được.

Về cửa ý, chẳng có chạm giáp với đối tượng, nên do sự chú ý làm nhân duyên và do chẳng có hành động nào, khiến đối tượng được nắm giữ ngay tại cửa ý. Như thế, với các đối tượng cao, có ba động tác: chuyển tâm, tốc hành tâm và bị sự tâm khiến hữu phần tâm khởi sanh lên. Với các đối tượng trung bình và thấp, chỉ có hai tâm: chuyển tâm và tốc hành tâm. Đối với các đối tượng có thể cảm thọ được, hoặc chẳng thể cảm thọ được, chúng tùy theo nhân duyên khác

nhau và tùy theo chủng loại của cảm thọ mà biết rõ được. Đối với các sự việc thiện hay chẳng thiện, tùy theo sự tác ý có chơn chánh hay chẳng chơn chánh làm nhân duyên, ta có thể biết rõ được.

Như thế, *do sự chạm giấp của đối tượng làm khởi lên ý phân biệt* mà biết được rõ về các nhập.

Hỏi: Thế nào là *do thâm nhiếp* mà biết rõ các nhập?

Đáp: Có ba sự thâm nhiếp: *âm nhiếp, giới nhiếp và đế nhiếp.* Như thế, mười nhập được sắc âm thâm nhiếp vào. Ý nhập được thức âm thâm nhiếp. Pháp nhập trừ Nê-hoàn (= pháp Niết-bàn) ra, do bốn âm thâm nhiếp. Mười một nhập do mười một giới thâm nhiếp. Ý nhập được bảy giới thâm nhiếp. Năm nội nhập được Khô đế thâm nhiếp. Năm ngoại nhập có thể hay chẳng có thể được Khô đế thâm nhiếp. Ý nhập có thể hoặc chẳng có thể được Khô đế thâm nhiếp. Pháp nhập có thể do Tứ đế thâm nhiếp, hoặc chẳng do Khô đế thâm nhiếp.

Như thế, *do sự thâm nhiếp* (bao gồm vào trong) mà biết rõ về các nhập. (...)

Hỏi: Thế nào *Giới phương tiện*?

Đáp: Có tất cả mười tám giới:

- nhân giới, sắc giới, nhân thức giới;
- nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới;
- tị giới, hương giới, tị thức giới;
- thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới;
- thân giới, xúc giới, thân thức giới;
- ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Như thế, nhân thanh tịnh thuộc về nhân giới. Hình sắc thuộc về sắc giới. Nhân thức thuộc về nhân thức giới. Cùng cách này suy ra để biết được các giới khác. Nơi năm cửa (cửa giác quan) chuyên đối tượng vào, ý giới nhận lấy quả báo. (...)

Theo đó, mười giới thuộc sắc âm thâm nhiếp. Pháp giới, ngoại trừ Nê-hoàn ra, do bốn âm thâm nhiếp. Bảy giới thuộc thức âm thâm nhiếp. Mười một giới do mười một nhập thâm nhiếp. Bảy giới do ý nhập thâm nhiếp. Mười một giới do Khô đế thâm nhiếp. Năm giới hoặc do Khô đế thâm nhiếp hoặc chẳng thâm nhiếp. Pháp giới được Tứ đế thâm nhiếp, hoặc chẳng thâm nhiếp. Ý thức giới được Khô đế hoặc thâm nhiếp, hoặc không.

Hỏi: Thế nào là *cảnh giới của sự thuyết hoá* (= sự giảng dạy).

Đáp: Chỉ riêng đối với *pháp* (= sự vật), thì âm, nhập và giới là cảnh giới. Khi thuyết giảng về pháp (= sự vật), tướng của các chủng loại pháp hoà hiệp, tập hợp lại, được gọi là *âm*. Khi giảng về các cửa của các giác quan, tướng của chúng được gọi là *nhập*. Khi giảng về tự tánh của các pháp, tướng đó được gọi là *giới*.

Lại nữa, Thế tôn vì người lợi căn (= căn tánh bén nhạy, mau hiểu) theo đường lối *âm* mà thuyết giảng về Khô đế. Ngài vì người trung căn (= căn tánh trung bình) dùng đường lối *nhập* mà thuyết giảng về Khô đế. Còn với hạng người độn căn (= căn tánh cùn nhụt, chậm hiểu), Ngài dùng đường lối *giới* để giảng về Khô đế.

Lại nữa, đối với người có chấp về *danh* và về *tướng*, Ngài giảng tóm lược về *sắc* để phân biệt với *danh*, và giảng rộng về *âm*. Với người có chấp về *sắc* và về *tướng*, Ngài giảng tóm lược về *danh* để phân biệt với *sắc*, rồi thuyết giảng rộng về *nhập*. Với người chấp cả *Danh-Sắc* và *tướng*, thì giảng rộng về *giới* để phân biệt rõ về *Danh-Sắc*.

Lại nữa, nói về tự tánh và *xú* (nơi chốn, phạm vi) thì giảng về *ám*; nói về phạm vi các đối tượng (= *xú sự*) thì giảng về *nhập*; còn nói về tâm khởi lên liên quan đến phạm vi các đối tượng, thì giảng về *giới*.

Như thế, do các cách phân biệt đó mà biết rõ được *giới phương tiện*.

Đến đây chấm dứt *Giới phương tiện*.

Hỏi: Thế nào là *Nhân duyên phương tiện*?

Đáp: Theo chiều xuôi, có các nhân duyên: *vô minh* duyên hành, hành duyên thức; thức duyên Danh-Sắc; Danh-Sắc duyên lục nhập; lục nhập duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên lão, tử, ưu, bi, khổ, não; như thế toàn bộ *khổ ám* khởi lên. (*Duyên* = làm điều kiện khiến cho có sự biến đổi theo)

Theo chiều ngược, có các nhân duyên: *vô minh* diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì Danh-Sắc diệt, Danh-Sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, tử, ưu, bi, khổ, não diệt; như thế toàn bộ *khổ ám* đều diệt cả. (*Diệt* = tiêu diệt, mất đi).

Vô minh có nghĩa là chẳng thông hiểu Bốn Chơn lý Nhiệm mầu (= Tứ Diệu Đế). *Hành* có nghĩa là hành nghiệp của thân, miệng và ý (*hành nghiệp* = hành động tạo thành nghiệp). *Thức* có nghĩa là một niệm trong tâm lúc nhập vào bào thai mẹ. *Danh-Sắc* có nghĩa là tâm và các tâm sở cùng khởi lên với sắc ca la la. (*Sắc kalala* = bào thai) (*các tâm sở* = các tính trạng của tâm, còn gọi là các tâm trạng). *Lục nhập* có nghĩa là sáu nội nhập (*nội nhập* = mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý). *Xúc* có nghĩa là sáu loại va chạm vào thân. *Thọ* có nghĩa là sáu loại cảm thọ của thân. *Ái* có nghĩa là sáu điều tham ái của thân. *Thủ* có nghĩa là bốn sự chấp thủ (= bám níu). *Hữu* có nghĩa là do nghiệp khiến phải sanh vào ba cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới. *Sanh* có nghĩa là nơi hiện hữu (= cuộc sống), các ám khởi lên. *Lão* có nghĩa là các ám đã già, chín muồi. *Tử* có nghĩa là các ám tan hoại đi.

Hỏi: Tại sao *vô minh* duyên hành? Tại sao *sanh* duyên lão tử?

Đáp: Kể phàm phu ít học chẳng thông hiểu Bốn Chơn lý Nhiệm mầu (= Tứ đế) nên đêm ngày bám níu vào thân năm ấm lấy đó làm *ngã* (= ta), bám níu vào vật sở hữu coi là *ngã vật* (= vật của ta, ngã sở), như thế vui bám vào *hữu* (= cuộc sống), cộng với sự hưởng lạc, tạo nên *tư duy về hữu* (tức là ý nghĩ bám chặt vào cuộc sống). Ý nghĩ đó chẳng biết xứ sở nơi đâu, gặp được *hữu* thành ra trú vào đó; cũng tựa như hạt giống rơi vào khu ruộng phi nhiêu. Nếu chẳng có ý thức đó, thì *hữu* sẽ diệt. Đó gọi là *vô minh* duyên hành.

Nơi *vô minh* vừa khởi đó, hành *tư* (= hành dưới hình thức tư duy) nhập vào *hữu* (= cuộc sống), bám và tụ vào đấy, kể đó *hữu* chuyển động chẳng ngừng khiến khởi sanh *thức* tương tục và theo tâm chẳng rời. Như thế là hành duyên thức.

Cũng như nếu chẳng có ánh sáng mặt trời thì muôn vật trên mặt đất chẳng tăng trưởng, nếu chẳng có *thức* thì chẳng thể có *Danh-Sắc* được. Cũng như các con lau sậy trong một bó nương dựa vào nhau mà đứng vững, thức và Danh-Sắc nương nhau mà chuyển động. Như thế là thức duyên Danh-Sắc.

Dựa theo nơi thức và Danh-Sắc đó, các danh khác còn lại cùng khởi lên, và ý *nhập* tăng trưởng nương theo *danh*. Bốn đại, mạng căn, thực phẩm và thời tiết làm nhân duyên khiến cho năm *nhập* còn lại được tăng trưởng(...) Như thế, *Danh-Sắc* duyên lục nhập.

Do các căn, cảnh giới và thức hoà hiệp lại mà *xúc* khởi lên. Như thế là lục nhập duyên xúc.

Do có *xúc* mà cảm thọ được khổ hay vui, hoặc chẳng khổ chẳng vui. Nếu chẳng có *xúc*, tất chẳng có *thọ*. Như thế là *xúc* duyên *thọ*.

Kẻ phàm phu còn mê mờ khi cảm thọ nổi vui liền bám níu lấy, tầm cầu được vui thêm; khi thọ khổ thì tìm vui để đối trị lại. Nếu cảm thọ chẳng khổ chẳng vui, thì đó là xả thọ. Như thế, *thọ* duyên *ái* (= yêu thích).

Do sự *khát ái* (= ham thích quá) mà bám níu (= *thủ*) vào nơi được yêu thích. Như thế là *ái* duyên *thủ*.

Sự chấp *thủ* (= bám níu) đó gieo hạt giống cho *hữu* (= cuộc sống). Như thế *thủ* duyên *hữu*.

Do nơi nghiệp lực chiếm ưu thế, mà phải sanh vào một trong sáu cõi. Như thế là *hữu* duyên *sanh*.

Do có sanh nên trở thành già lão rồi chết. Như thế là *sanh* duyên *lão tử*.

Như cây lúa làm duyên cho hạt lúa, như thế có thể hiểu được *vô minh* duyên *hành*. Như hạt lúa làm duyên cho mầm cây lúa, như thế có thể hiểu được *hành* duyên *thức*. Như mầm làm duyên cho lá, như thế có thể hiểu được *thức* duyên *Danh-Sắc*. Như lá làm duyên cho cành, như thế có thể hiểu được *Danh-Sắc* duyên *lục nhập*. Như cành làm duyên cho thân cây, như thế có thể hiểu được *lục nhập* duyên *xúc*. Như thân cây làm duyên cho bông hoa, như thế có thể hiểu được *xúc* duyên *thọ*. Như hoa làm duyên cho nhựa cây, như thế có thể hiểu được *thọ* duyên *ái*. Như nhựa cây làm duyên cho bột gạo, như thế có thể hiểu được *ái* duyên *thủ*. Như bột gạo làm duyên cho hạt lúa, như thế có thể hiểu được *thủ* duyên *hữu*. Như hạt lúa làm duyên cho mầm cây lúa, như thế có thể hiểu được *hữu* duyên *sanh*.

Như thế, mầm mộng khởi đầu rồi kế tiếp tương tục, chẳng thể nào biết quá khứ trước đó, mà cũng chẳng hiểu được tương lai về sau. Như thế, *sanh* do *vô minh* làm nhân duyên sơ khởi rồi tiếp nhau mãi, chẳng biết được quá khứ cùng vị lai.

Hỏi: Thế nào là duyên của *vô minh*?

Đáp: Duy chỉ *Vô minh* làm nhân duyên cho chính *vô minh*; các kết sử làm nhân duyên ngầm (= *mặc duyên*) của *vô minh*; rồi *vô minh* trở lại làm nhân duyên cho các kết sử. (...) Lại nữa, tất cả các phiền não đều làm nhân duyên cho *vô minh*, như Thế tôn có nói: "Do nguồn gốc các lậu hoặc mà khởi thành nguồn gốc của *vô minh*." Lại nữa, như một tâm pháp, do mất thấy sắc, người mê mờ khởi lên tham ái và trong lúc hưởng vui đó khiến tâm trở nên si mê, đó gọi là *vô minh*. Lòng nghĩ bám níu vào đó, tức là *vô minh* duyên *hành*. Tâm bám níu vào ý nghĩ đó, tức là *hành* duyên *thức*. Khi biết các pháp tâm sở tương ưng với sắc do tâm tạo, đó gọi là *thức* duyên *Danh-Sắc*. Do *ái* (= yêu thích) sanh ra hi (= nổi mừng) và do *sắc* tạo ra hi, làm nhân duyên khởi sanh các căn thanh tịnh, đó gọi là *Danh-Sắc* duyên *lục nhập*. Do *vô minh* nên có sự xúc chạm nơi các căn, đó gọi là *lục nhập* duyên *xúc*. Sự xúc chạm tạo nên vui thích khiến cho *xúc* duyên *thọ*. Muốn mãi được cảm thọ vui thích nên *thọ* mới duyên ra *ái*. Vì bám níu vào sự vui thích nơi cảm thọ, cho nên *ái* duyên *thủ*. Vì bám chặt vào ý nghĩ ham vui thích nơi cảm thọ đó, nên *thủ* duyên *hữu* (= sự sống). Khi sự sống này khởi lên, đó là *hữu* duyên *sanh*. Cuộc sanh sống đó kéo dài đến lúc suy tàn, đó là *lão*. Đến khi niệ tan hoại đi, đấy là *tử*.

Như thế, chỉ trong một sát-na (= đơn vị thời gian hết sức ngắn), đã khởi thành cả mười hai nhân duyên.

Hỏi: Mười hai nhân duyên đó phân ra làm bao nhiêu yếu tố, bao nhiêu là phiền não, bao nhiêu là nghiệp báo, bao nhiêu thuộc về quá khứ, bao nhiêu về hiện tại, bao nhiêu về tương lai, bao nhiêu còn là nhân duyên, bao nhiêu đã khởi lên rồi? Thế nào là nhân duyên? Thế nào pháp

nhân duyên? Hai điều đó khác biệt nhau ra sao? Tại sao tánh của mười hai nhân duyên lại thật thâm sâu?

Đáp: Phiền não có ba: *vô minh, ái* và *thủ*. Nghiệp có hai: *ảnh* và *hữu*. Bảy nhân duyên còn lại thuộc về quả báo. Như thế, gọi là phiền não vì phiền não tạo thành một nhân khiến *hữu* (= cuộc sống) sanh ra sau. Cũng như màu sắc của viên hoa su, tự nơi chúng, chúng chẳng thành được bức họa; có phiền não mới khiến cho *hữu* duyên ra *sanh*, cùng mọi loại sắc chất khác.

Hai nhân duyên thuộc về thời *quá khứ*, đó là *vô minh* và *hành*. Hai nhân duyên thuộc về thời *vị lai*, đó là *sanh* và *lão tử*. Còn lại tám nhân duyên kia thuộc về thời *hiện tại*. Như thế, đã chia lấy thời gian ra làm ba, và sanh cùng chết đã tiếp nối nhau kể từ thời vô thủy (= chẳng biết được lúc khởi đầu).

Các yếu tố của mười hai nhân duyên có nghĩa là, chẳng thể đem ra thuyết giảng rời rạc từng yếu tố được, và cũng thể thuyết giảng một yếu tố nào mà chẳng liên quan đến cả mười hai nhân duyên.

Nhân duyên là gì? Mười hai pháp đó theo thứ lớp mà chuyển động nhân duyên, vì thế gọi đó là do nhân duyên mà khởi lên. Mười hai yếu tố nhân duyên đã khởi lên thì thành pháp nhân duyên. Nhân duyên và pháp nhân duyên khác nhau như thế nào? Nhân duyên có nghĩa là mỗi thứ nhân duyên chuyển hành khác nhau và chưa thành tựu hoàn toàn, cho nên chẳng thể nào nói rõ mỗi thứ cho được. Hoặc chúng là hữu vi, hoặc chúng là vô vi, cũng chẳng thể nói xác định được. Còn pháp nhân duyên thì đã khởi lên xong, đã thành tựu là pháp rồi nên thuộc về pháp hữu vi. Đó là điểm khác nhau giữa nhân duyên và pháp nhân duyên.

Tại sao tánh của mười hai nhân duyên lại thật thâm sâu? Do nơi sự chuyển hành, do nơi đặc tướng mà ta biết được *vô minh* làm nhân duyên cho *hành*. Sự chuyển hành đó, đặc tướng của nó, cùng với đặc tánh của nó, bực Thánh nhơn chẳng cần đến người khác chỉ báo giúp, cũng thông đạt được tất cả nhờ do nơi huệ căn của các Ngài. Đó gọi là tánh của mười hai nhân duyên thật thâm sâu.

Lại nữa, các nhân duyên đó có thể dùng bảy cách quán sát mà biết rõ được. Bảy cách đó là: do ba tiết, do bốn gián lược, do hai mươi hành, do sự luân chuyển, do chiều dặt giầy theo thứ tự (= *kiên*), do phân biệt và do tương nhiếp.

Hỏi: Thế nào là *do ba tiết* (= ba lóng)?

Đáp: Khoảng cách (= *tiết* = lóng) giữa các *hành* và *thức*, đó là tiết thứ nhất. Khoảng cách giữa *thọ* và *ái* là tiết thứ hai. Khoảng cách giữa *hữu* và *sanh* là tiết thứ ba.

Nơi quá khứ, do nghiệp và phiền não làm duyên cho quả báo hiện tại, đó là tiết thứ nhất. Do quả báo hiện tại làm duyên cho phiền não hiện tại, đó là tiết thứ hai. Do phiền não hiện tại làm duyên cho quả báo tương lai, đó là tiết thứ ba. Tiết thứ nhất và tiết thứ ba là tiết về *nhân quả* mà cũng là tiết về *hữu*. Tiết thứ hai là tiết về *quả báo* làm *nhân*, nhưng chẳng phải tiết về *hữu*.

Hỏi: Thế nào là *tiết về hữu*?

Đáp: Các âm, nhập, giới của một người còn chưa được giải thoát, vì phải theo nghiệp cũ và phiền não làm nhân duyên khiến cho *hữu* (= cuộc sống) phải sanh đi sanh lại qua các neo chẳng ngừng, đó gọi là *tiết về hữu* và *sanh*.

Hỏi: Làm sao mà thành được ra như thế?

Đáp: Một người phạm phụ đã làm các hành vi tương ứng với vô minh và tham ái, tạo nên nghiệp ác, đến khi sắp chết thì đau khổ. Nằm trên giường bệnh, anh chẳng còn biết đến cõi thế

gian này hay cõi thế gian kia, tâm mắt cả chánh niệm. Lúc bấy giờ, anh đau khổ về sự sống, ý niệm nơi trí thoái lui, thân sức giảm hẳn, các căn từ từ lạc mất, rồi từ nơi thân, hoặc phía trên, hoặc phía dưới, mạng căn tàn lụn như chiếc lá ta la khô héo. Vào lúc đó, người ấy như ở trong cơn mộng.

Do nơi nghiệp, bốn sự việc (= pháp) khởi lên: khởi nghiệp, nghiệp tướng, thú (= nẻo tái sanh) và thú tướng.

Thế nào là *ngiệp*? Đó là những việc đã tạo nên, hoặc công đức, hoặc việc ác, hoặc nặng, hoặc nhẹ, hoặc nhiều, hoặc ít, *ngiệp* liền khởi lên giống như đã tạo nên lúc trước.

Thế nào là *ngiệp tướng*? Nghiệp tướng khởi lên giống như hành động đã tạo thời trước, đi theo với nghiệp cũ như bạn đồng hành, vào lúc đó cũng như hiện đang tạo nghiệp.

Thế nào là *thú*? Thú là nẻo tái sanh, do có công đức thiện mà được hưởng theo nẻo lành, do có nghiệp ác mà phải trôi lăn vào nẻo dữ.

Thế nào là *thú tướng*? Đó là lúc nhập vào bào thai mẹ, do ba sự việc hoà hợp lại nhau mà thành sanh ra. Hoá sanh là, nơi được tái sanh, hoặc nơi cung điện, hoặc nơi làng xóm, hoặc nơi núi non, hoặc nơi cây cối, hoặc nơi sông hồ, tùy theo sự khởi lên của thú và thú tướng. Vào lúc đó, người ấy hoặc ngồi, hoặc dựa, hoặc nằm, nhìn thấy tướng khởi lên liền bám lấy. Bấy giờ, nghiệp cũ, nghiệp tướng, hoặc thú và thú tướng chuyên động khiến cho tâm hiện khởi chẳng gián đoạn cùng với mạng căn chấm dứt đi, khiến người ấy chết. Tâm chẳng gián đoạn theo thứ lớp khởi tốc tâm lên, theo nghiệp cũ, hoặc nghiệp tướng, hoặc thú tướng, cùng chuyên động làm thành đối tượng cho tâm quả báo vượt sang cuộc sống sau (= *hậu hữu*), cũng như ngọn đèn mới vào ngọn đèn, cũng như lửa từ trong ngọn hoà châu xuất ra; nơi *tiết về hữu* đó, tâm khởi lên như là bạn đồng hành. Trong bụng mẹ, do theo sự bất tịnh của mẹ và cha mà ba mươi sắc chất tùy theo nghiệp mà được tạo thành(...) Như thế, *thức* khởi lên duyên *Danh-Sắc*, *Danh-Sắc* lại duyên *thức*. Thế là *tiết về hữu* thành lập.

Do theo đó mà có thể biết được *ba tiết*.

Hỏi: Thế nào là *do bốn điều gián lược* (= điều tóm tắt) mà biết rõ thêm về mười hai nhân duyên?

Đáp: Vô minh, hành, nơi nghiệp quá khứ, thuộc về *phiền não lược*. Thức, Danh-Sắc, lục nhập, xúc, thọ, nơi quả báo hiện tại, thuộc về *quả báo lược*. Ái, thủ, hữu, nơi nghiệp hiện tại, cũng thuộc về *phiền não lược*. Sanh, lão tử, nơi quả báo vị lai, cũng thuộc về *quả báo lược*.

Như thế, *do bốn lược* mà hiểu rõ mười hai nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là *do hai mươi hành* mà biết rõ thêm về mười hai nhân duyên?

Đáp: Do bám chặt vào *vô minh*, tham *ái* trong quá khứ và *thủ*, nên thành ra sự *chấp thủ vào phiền não tướng*. Do sự bám chặt vào *hành* trong quá khứ và *hữu*, nên thành ra sự *chấp thủ vào nghiệp tướng*. Do sự bám chặt vào *thức*, *Danh-Sắc*, *lục nhập*, *xúc*, *thọ* trong hiện tại, cùng với quả báo *sanh* và *lão tử*, thành ra sự *chấp thủ vào hiện tại*. Do sự bám chặt vào tham *ái* và *thủ* trong hiện tại, nên thành ra sự *chấp thủ vào phiền não tướng*. Do sự bám chặt vào *hữu*, vào các *hành* động hiện tại, nên thành ra sự *chấp thủ vào nghiệp tướng*. Do sự bám chặt vào *sanh*, *lão tử*, và vào *thức*, *Danh-Sắc*, *lục nhập*, *xúc*, *thọ* trong tương lai, nên thành ra có sự *chấp thủ vào thọ*.

Hai mươi bốn *pháp* đó (*pháp* = sự việc, ở đây là sự bám chặt), do sự chấp thủ mà thành tựu hai mươi *hành* động.

Như trong A-tỳ-đàm (*Abhidhamma = Luận tạng*) có nói: "Nơi nghiệp cũ của *hữu*, si mê là *vô minh*, kết tụ là *hành*, bám níu là *ái*, tầm cầu là *thủ*, suy nghĩ là *hữu*. Năm pháp này (vô minh, hành, ái, thủ, hữu), nơi cuộc sanh sống này, vốn do nghiệp trước tạo thành. Năm pháp đó làm duyên cho sự trưởng thành các *nhập* (= các căn, giác quan), si mê là vô minh, kết tụ là hành, bám níu là ái, tầm cầu là thủ, suy nghĩ là hữu, cùng tạo thành nghiệp hữu làm nhân duyên gây nên đời sống vị lai. Ở đây, duyên theo cuộc sống vị lai, thì *thức* chuyển thành *Danh-Sắc*, sắc thành tịnh thành các *nhập*, nơi cảm xúc thành *xúc*, còn *thủ* trở thành *thọ*. Hai pháp đó nơi vị lai làm duyên sanh ra *hữu* và nơi đời này thì tạo thành *nhập*."

Như thế, *do hai mươi hành động* mà biết thêm rõ về mười hai nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là *do sự luân chuyển* mà biết được rõ thêm về mười hai nhân duyên?

Đáp: *Vô minh* duyên *hành*, *hành* duyên *thức*, cho đến *sanh* duyên *lão tử*, như thế toàn bộ khổ âm khởi lên. Nơi toàn bộ khổ âm này, sự chẳng hiểu biết được gọi là *vô minh*, khiến cho *vô minh* lại duyên *hành* nữa.

Như thế, *do sự luân chuyển* mà biết rõ thêm được về mười hai nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là *do sự dặt giãy theo thứ tự (= khiên)* mà biết rõ thêm về mười hai nhân duyên?

Đáp: Có hai chiều (xuôi và ngược) của sự dặt giãy theo thứ tự: khởi đầu tại *vô minh*, và khởi đầu tại *lão tử*. *Hỏi:* Sao gọi là *khởi đầu tại vô minh*? *Đáp:* là nói từ *vô minh* theo thứ tự xuôi xuống đến *lão tử*. *Hỏi:* Sao gọi là *khởi đầu tại lão tử*? *Đáp:* là nói ngược lại, khởi đầu từ *lão tử* trở lên đến *vô minh*.

Lại nữa, khởi đầu từ *vô minh* thì thấy được ven bờ hướng về vị lai, còn khởi đầu từ *lão tử* thì thấy được ven bờ hướng về quá khứ.

Như thế, *do theo thứ tự xuôi và ngược* mà biết rõ thêm về mười hai nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là *do phân biệt* mà biết rõ thêm về mười hai nhân duyên?

Đáp: Có hai loại nhân duyên: nhân duyên *thế gian* và nhân duyên *xuất thế gian*. Như thế, nhân duyên khởi đầu bằng *vô minh* là nhân duyên *thế gian*.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên *xuất thế gian*?

Đáp: Khổ nương theo khổ; lòng tin nương theo lòng tin; mừng nương theo mừng; nhảy nhót nương theo nhảy nhót; khinh an (= ý) nương theo khinh an, vui nương theo vui, định nương theo định, tri kiến như thật nương theo tri kiến như thật, nhằm chán nương theo nhằm chán, chẳng ham muốn nương theo chẳng ham muốn, giải thoát nương theo sự giải thoát của trí tận diệt. Đó gọi là nhân duyên *xuất thế gian*.

Lại nữa, có thuyết cho rằng, có bốn loại nhân duyên: (1) nghiệp và phiền não làm nhân, (2) chủng tử (= hạt giống) làm nhân, (3) có động tác làm nhân, (4) cộng nghiệp (= nghiệp chung) làm nhân.

Hỏi: Thế nào là *nhập* và *phiền não làm nhân*?

Đáp: Đó là *vô minh* buổi ban đầu.

Hỏi: Thế nào là *chủng tử làm nhân*?

Đáp: Như hạt giống và mầm kế tiếp nhau tương tục.

Hỏi: Thế nào là có *động tác làm nhân*?

Đáp: Như trường hợp hoá sanh.

Hỏi: Thế nào là *cộng nghiệp làm nhân*?

Đáp: Như đất, tuyết, núi, biển, mặt trời, mặt trăng.

Lại nữa, có thuyết cho rằng, chẳng hề có *cộng nghiệp*; đó chỉ là các sắc pháp, các tâm pháp cùng với thời tiết mà làm nhân đó thôi. Như Thế tôn có kệ rằng:

*Nghệp chẳng chung cùng với kẻ khác,
Chẳng ai có thể trộm lấy được.
Người đã làm nên công đức lành,
Quả báo lành, người ấy sẽ đắc.*

Như thế, *do sự phân biệt* mà biết rõ thêm mười hai nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là *sự tương nhiếp* (= bao gồm vào trong)

Đáp: Có bốn sự tương nhiếp: (1) *ám tương nhiếp*, (2) *nhập tương nhiếp*, (3) *giới tương nhiếp* và (4) *đế tương nhiếp*.

Như thế, vô minh, hành, xúc, ái, thù, hữu được *hành ám* tương nhiếp. Thức được *thức ám* bao gồm vào trong. Danh-Sắc được bốn *ám* tương nhiếp. Lục nhập được hai *ám* bao trùm. Thọ được *thọ ám* bao gồm vào trong. Sanh, lão tử được cả *sắc ám* cùng *hành ám* tương nhiếp.

Vô minh, hành, xúc, thọ, ái, thù, hữu, sanh, lão tử, đều được *pháp nhập* bao gồm vào trong. Thức do *ý nhập* bao trùm. Danh-Sắc thuộc *năm nội nhập* tương nhiếp. Lục nhập do *lục nội nhập* bao gồm vào trong.

Vô minh, hành, xúc, thọ, ái, thù, hữu, sanh, lão tử, đều được *pháp giới* nhiếp vào trong. Thức thì thuộc *ý thức giới* bao gồm. Danh-Sắc nằm trong *ngũ giới* tương nhiếp.

Lục nhập thuộc về mười hai *đế* (= Chơn lý) tương nhiếp.

Vô minh, ái, thù được mười *đế* tương nhiếp. Chín nhân duyên còn lại được *Khổ đế* bao trùm vào trong. Các nhân duyên xuất thế gian và các yếu tố của con đường xuất thế đều do *Đạo đế* bao gồm. Sự tận diệt các nhân duyên do *Diệt đế* tương nhiếp.

Như thế, *do sự tương nhiếp* mà biết rõ thêm về mười hai nhân duyên.

Do các cách kể trên đây mà biết được *phương tiện về nhân duyên*.

Phương tiện về nhân duyên chấm dứt.

(Giải Thoát Đạo Luận: Quyển thứ Mười chấm dứt)

-ooOoo-

Quyển Mười Một

Phẩm 11: Năm Phương tiện
Chi 2: Thánh đế Phương tiện

Hỏi: Thế nào là *Thánh đế Phương tiện*?

Đáp: Đó là Bốn Thánh đế: Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ diệt đạo thánh đế.

Hỏi: Thế nào là **Khổ thánh đế**?

Đáp: Sanh là khổ, già là khổ, chết là khổ, ưu là khổ, ưu bi là khổ, phiền não là khổ, khổ khổ là khổ, oán ghét mà gặp nhau là khổ, thương yêu mà xa lià nhau là khổ, cầu chẳng được là khổ, nói tóm lại năm ấm cảm thọ là khổ.

Sanh là khổ có nghĩa là, nơi mọi loài chúng sanh, khi các ấm khởi lên, đó là tập hợp của khổ. *Già là khổ* có nghĩa là, tất cả các giới do sanh ra rồi già suy, mất đi sức lực, màu sắc, năng lực, nhớ nghĩ và trí huệ. *Chết là khổ* có nghĩa là, thọ mạng chấm dứt khiến lòng sợ hãi. *Ưu là khổ* có nghĩa là, khi gặp đau khổ, tâm lo nghĩ, trong lòng như thiêu đốt. *Ưu bi là khổ* có nghĩa là, khổ nơi lời than thở, trong ngoài như thiêu đốt. *Khổ khổ là khổ* có nghĩa là, thân đang đau khổ, cái khổ ấy lại làm nguyên nhân gây khổ thêm cho thân. *Não khổ* có nghĩa là, lòng đang đau khổ đó là nguyên nhân làm cho tâm khổ. *Oán ghét mà gặp nhau là khổ* có nghĩa là, cùng phải sống gần bên với kẻ khó thương, khiến sanh khổ. *Thương nhau mà phải xa lià nhau là khổ* có nghĩa là, chia lià cùng với người thân yêu, vì phân tán nên khổ buồn lo. *Cầu chẳng được là khổ* có nghĩa là, muốn tránh xa người mình ghét mà chẳng được, muốn gần người mình thương mà chẳng được, phải mất đi sự an vui. *Nói tóm lại năm ấm cảm thọ là khổ* có nghĩa là, chẳng hề lià ra khỏi năm ấm, cho nên mới nói tóm tắt lại, chính năm ấm phải cảm thọ sự khổ, phải cam chịu mọi sự khổ.

Hỏi: Thế nào là **năm thọ ấm**?

Đáp: Sắc thọ ấm, thọ thọ ấm, tưởng thọ ấm hành thọ ấm, thức thọ ấm, đó là *năm ấm* cảm thọ và chấp thủ (= bám níu), như đã được mục *ám phương tiện* nói rộng qua, như thế có thể hiểu được rằng vì năm ấm hay bám níu mà gây nên sự đau khổ.

Như thế, có *hai loại* khổ: *xú khổ* và *tự tánh khổ*. Khổ vì sanh, vì chết, vì oán ghét mà gần nhau, vì chia lià, vì cầu chẳng được, khổ nói tóm lược là năm ấm, đó là *xú khổ*, nơi khởi lên sự khổ. Ưu khổ, ưu bi khổ, não khổ, được gọi là *tự tánh khổ*.

Khổ cũng được phân biệt ra thành *ba loại*: *khổ khổ*, *hoại khổ*, và *hành khổ*. Thân khổ, tâm khổ, đó là *khổ khổ*. Ham thích các thú vui còn dính với phiền não, với lậu hoặc, khi các thú vui này biến hoại mất đi, đó gọi là *hoại khổ*. Thân tâm năm ấm này bám níu vào cuộc sống đó là *hành khổ*.

Trở lên trên, đó là *Thánh đế về Khổ*.

Hỏi: Thế nào là **Khổ Tập thánh đế**?

Đáp: Khát ái khiến cho phải sanh trở lại, cùng với tham dục đồng khởi lên, khởi khắp nơi nơi, như thế có *dục ái*, *hữu ái*, *bất hữu ái*.

Khổ Tập có nghĩa là, *Khổ* chẳng chung cùng với *ái*, gọi là *Khổ Tập*, với nghĩa là nguồn gốc của *Khổ*. *Khát ái khiến cho phải sanh trở lại* có nghĩa là, vì nhiều tham ái nên khiến ham muốn được sống mãi. *Cùng với tham dục đồng khởi lên* có nghĩa là, khát ái riêng khiến cho vui thích *khởi lên*, lại khiến bị dính nhiễm, rồi cùng với sự dính nhiễm mà khởi lên hoan hỉ. *Khởi lên* có nghĩa là, ở nơi nơi, thân tánh đều khởi lên; tại nơi nào có hình sắc khả ái, thì thân tánh ấy khởi lên hoan hỉ ở chỗ ấy. Như thế, có *dục ái*, *hữu ái*, *bất hữu ái*. Ngoại trừ hữu ái và bất hữu ái ra, các chỗ ham muốn còn lại là *dục ái* (= ham muốn). *Hữu ái* có nghĩa là, sự ham muốn mình được hiện hữu mãi mãi, cùng với thường kiến mà khởi lên. Còn *phi hữu ái* có nghĩa là sự ham muốn mình chẳng còn phải hiện hữu nữa, thì cùng khởi lên với đoạn kiến.

Đó gọi là *Thánh đế về Khổ Tập*.

Hỏi: Thế nào là *Khổ Diệt thánh đế*?

Đáp: *Khổ Diệt* có nghĩa là, sự khát ái đã tận diệt chẳng còn dư sót lại; xa là, giải thoát, chẳng còn chỗ nào có sự khát ái nữa, đó gọi là *thánh đế của Khổ Diệt*.

Hỏi: Chẳng phải như vậy! Đó là sự tiêu diệt của nguồn gốc của Khổ (= *Khổ Tập*), vì sao Thế tôn lại nói là *Khổ Diệt*?

Đáp: Nguyên nhân gây ra đau khổ đã tận diệt rồi, nên chẳng còn phải lại sanh ra và bị diệt đi nữa, điều này tương ứng với nghĩa của sự chứng đắc. Vì thế, *Tập Diệt* được Thế tôn nói là *Khổ Diệt*.

Hỏi: Thế nào là *Khổ diệt Đạo thánh đế*?

Đáp: Đó là *Bát Chánh Đạo phần*, tám yếu tố của con đường đưa đến sự tận diệt khổ. *Bát Chánh Đạo* gồm có: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Chánh kiến có nghĩa là, hiểu rành rẽ về Bốn Chơn lý Nhiệm mầu (= *Tứ đế*). *Chánh tư duy* có nghĩa là suy nghĩ về ba điều thiện. *Chánh ngữ* có nghĩa là, lià xa bốn hành động xấu ác về miệng. *Chánh nghiệp* có nghĩa là, lià bỏ ba hành động xấu ác (về thân, miệng và ý). *Chánh mạng* có nghĩa là, lià xa tà mạng. *Chánh tinh tấn* có nghĩa là bốn chánh cần (= *tứ chánh cần*). *Chánh niệm* có nghĩa là bốn niệm xứ (= *tứ niệm xứ*) *Chánh định* có nghĩa là bốn cấp Thiền.

Lại nữa, siêng tu hành về Thánh đạo, nơi Nê-hoàn (= *Niết-bàn*) thấy được rõ ràng, đó gọi là *chánh kiến*. Giác ngộ được Nê-hoàn, đó gọi là *chánh tư duy*. Đoạn bỏ hẳn tà ngữ (= lời nói tà vạy), đó là *chánh ngữ*. Dứt bỏ tà nghiệp, đó là *chánh nghiệp*. Đoạn bỏ tà mạng, đó là *chánh mạng*. Dứt bỏ tà tinh tấn, đó là *chánh tinh tấn*. Niệm nhớ nghĩ đến Nê-hoàn, đó là *chánh niệm*. Tâm luôn chuyên hướng về Nê-hoàn, đó là *chánh định*.

Như thế, huệ căn, huệ lực, huệ như ý túc, trạch pháp giác phần đều hướng đi vào trong *chánh kiến*. Tinh tấn căn, tinh tấn lực, tinh tấn như ý túc, dục như ý túc, tinh tấn giác phần, bốn chánh cần đều hướng đi vào trong *chánh tinh tấn*. Niệm căn, niệm lực, niệm giác phần, bốn niệm xứ đều hướng đi vào trong *chánh niệm*. Định căn, định lực, tâm như ý túc, tín căn, tín lực, định giác phần, hi giác phần, ý giác phần, xả giác phần đều hướng đi vào trong *chánh định*. Như thế, ba mươi bảy *pháp Bồ-đề* đều hướng đi vào trong *chánh đạo*.

Đó gọi là *Thánh đế về Khổ diệt Đạo*, tức là Chơn lý về con đường đưa đến tận diệt sự Khổ.

Trên đây là nói về Bốn Thánh đế, tức là Bốn Chơn lý Nhiệm mầu.

Hỏi: Tại sao lại chỉ nói có Bốn Thánh đế, mà chẳng ba hay năm?

Đáp: Vì nếu nói ba hay năm Thánh đế, sẽ có sự nghi ngờ. Bốn Thánh đế là nói về *nhân* và *quả ở thế gian* và *xuất thế gian*, vì thế mà thành ra bốn.

Hỏi: Thế nào là *nhân* và *quả ở thế gian* và *xuất thế*?

Đáp: *Khổ đế* và *Tập đế* là quả và nhân ở thế gian. *Diệt đế* là quả ở xuất thế gian. *Đạo đế* là nhân duyên ở thế gian. Vì lẽ đó, chỉ có bốn, mà chẳng ba hay năm.

Lại nữa, theo bốn câu (= *tứ cú*) này mà thành ra chỉ có bốn, chẳng ba, chẳng năm: Khổ đế phải *biết rõ*; Tập đế phải *đoạn bỏ*; Diệt đế phải *chứng đắc*; và Đạo đế phải *tu tập*.

Bốn Thánh để đó, có thể dùng mười một cách sau đây để hiểu rõ thêm: do nghĩa câu, do tướng, do thứ lớp, do nói tóm lược, do thí dụ, do phân biệt, do liệt kê, do đồng nhứt, do khác loại, do mười loại, do sự thấu nhiếp.

Hỏi: Thế nào là *do nghĩa câu* (= *cú nghĩa*)?

Đáp: *Thánh để* có nghĩa là, do Thánh nhơn giảng dạy, nếu thông đạt được thì thành bực Thánh, cho nên gọi là Thánh để. *Để* là, nghĩa là như thế (= *như thị nghĩa*), chẳng biến đổi, tự tướng chẳng đổi thay. *Khổ* có nghĩa là, phải chịu lấy hậu quả khổ. *Tập* có nghĩa là, nguyên nhân gây nên sự khổ. *Diệt* có nghĩa là, theo diệt cho hết sạch. *Đạo* có nghĩa là, thấy được đệ nhứt nghĩa, tức là nghĩa tuyệt đối.

Như thế, *do nghĩa chữ* mà biết rõ thêm về Tứ Thánh để.

Hỏi: Thế nào là *do tướng*?

Đáp: *Khổ* là tướng của sự đau đớn về các lỗi lầm. *Tập* là tướng của nhân duyên. *Diệt* là tướng của sự chẳng sanh ra nữa (= *bất sanh*). *Đạo* là tướng của các phương tiện (để đi đến sự diệt khổ).

Lại nữa, *Khổ* là tướng dày vò của phiền não, của âu lo, là tướng hữu vi (= phải chịu sự biến đổi theo điều kiện, hoàn cảnh), tướng hữu biên (= phải chịu sự giới hạn). *Tập* là tướng kết tụ, tướng nhân duyên, tướng hoà hiệp lại, tướng dính mắc. *Diệt* là tướng xuất ly (= lià xa), tướng an tịch (= yên vắng), tướng vô vi (= chẳng chịu sự biến đổi theo điều kiện, hoàn cảnh), tướng Niết-bàn. *Đạo* là tướng chuyên chở đưa đến nơi, tướng thấy rõ, tướng nương tựa được.

Như thế, *do tướng* mà biết rõ thêm về Bốn Thánh để.

Hỏi: Thế nào là *do thứ lớp*?

Đáp: Trước nên thuyết giảng về *Khổ* để, vì ý nghĩa thô sơ, dễ chứng minh cho người ở thế gian. Kế đó, điểm thứ hai là giảng đến *Tập* để về nguồn gốc của *Khổ*. Khi nguồn gốc của

Khổ được diệt xong, thì *Khổ* cũng tận diệt, đó là điểm thứ ba. Các phương tiện giúp cho sự tận diệt đó thực hiện được, đó là điểm thứ tư thuyết giảng về *Đạo* để.

Phương pháp thuyết giảng đó cũng như lối chẩn bệnh của người lương y tài giỏi. Trước xét xem thấy căn nguyên của bệnh, sau hỏi đến các duyên do gây thành bệnh, rồi vì muốn diệt trừ dứt bệnh mới nói đến thuốc trị lành bệnh. Như thế, bệnh đây chính là *Khổ* để, điều đó có thể suy ra mà hiểu được. Như thế, nhân duyên của bệnh đây chính là *Tập* để, điều đó có thể suy ra mà biết được. Như thế, dứt bệnh đây chính là *Diệt* để, điều đó có thể suy ra mà hiểu được. Như thế, thuốc đây chính là *Đạo* để, điều đó có thể suy ra mà hiểu được.

Như thế, *do theo thứ lớp giảng dạy* mà biết được rõ thêm về Bốn Thánh để.

Hỏi: Thế nào là *do nói tóm lược*?

Đáp: *Sanh* là *Khổ* để. Khiến cho sanh ra là *Tập* để. Làm cho *Khổ* ngừng dứt đi là *Diệt* để. Khiến cho sự ngừng dứt đó xảy ra là *Đạo* để.

Nơi có phiền não là *Khổ* để. Phiền não là *Tập* để. Đoạn trừ phiền não là *Diệt* để. Phương tiện dùng để đoạn trừ phiền não là *Đạo* để.

Khổ để khiến đóng chặt cửa thân kiến lại. *Tập* để bẻ cửa đoạn kiến lại. *Diệt* để khép kín cửa thường kiến. *Đạo* để khóa cửa tà kiến lại.

Như thế, *do nói tóm lược lại* mà có thể hiểu rõ thêm về Bốn Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là *do thí dụ*?

Đáp: *Khổ đế* phải được xem như một cây có chất độc; *Tập đế* như hột giống của cây đó; *Diệt đế* như thiêu đốt hột giống ấy; và *Đạo đế* được xem như lửa đốt.

Khổ đế được xem như bờ bên này còn đau khổ, sợ hãi; *Tập đế* cũng như dòng nước lũ lụt; *Diệt đế* xem như bờ bên kia chẳng còn đau khổ, chẳng còn sợ hãi nữa và *Đạo đế* ví như chiếc thuyền đưa sang đến bờ bên kia.

Khổ đế ví như gánh nặng; *Tập đế* ví như đang vác gánh nặng; *Diệt đế* ví như đặt gánh nặng xuống, và *Đạo đế* là phương tiện dùng để trút khỏi gánh nặng.

Như thế, *do thí dụ* mà biết rõ thêm về Bốn Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là *do phân biệt*?

Đáp: Có bốn loại *đế* (= Chơn lý): (1) ngữ đế (= lời nói), (2) các các đế (= các kiến thức), (3) đệ nhưt nghĩa đế (= Chơn lý tuyệt đối), và (4) Thánh đế.

Như thế, nói lời chơn thật, chẳng phải lời dối trá, đó là *ngữ đế*. Nơi mọi sự hiểu biết, xét kỹ mọi kiến văn, gạt bỏ mọi vọng ngữ làm pháp phải mê mờ ra, đó gọi là *các các đế*. Pháp Niết-bàn là Chơn lý tuyệt đối, nên gọi là *đệ nhưt nghĩa đế*. Đường lối chơn lý tu hành của Thánh nhơn gọi là *Thánh đế*.

Như thế, *do sự phân biệt về các đế* mà biết rõ thêm về Bốn Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là *do liệt kê*?

Đáp: Trừ khát ái ra, ba địa hạt thiện, bất thiện và vô ký (= bất định; chẳng thiện cũng chẳng bất thiện) thuộc về *Khổ đế*. Khát ái thuộc về *Tập đế*. Đoạn trừ Khát ái này thuộc về *Diệt đế*. Tám yếu tố của Bát Chánh Đạo thuộc về *Đạo đế*.

Lại nữa, ngoại trừ khát ái và phiền não ra, ba địa hạt thiện, bất thiện và vô ký, thuộc về *Khổ đế*. Khát ái và các phiền não còn dư lại thuộc về *Tập đế*. Đoạn trừ khát ái và các phiền não này thuộc về *Diệt đế*. Con đường đoạn trừ đó là *Đạo đế*.

Lại nữa, ngoại trừ khát ái và phiền não ra, tất cả những điều bất thiện nơi các địa hạt thiện, và hữu ký đều thuộc về *Khổ đế*. Khát ái và các phiền não còn lại, tất cả các điều bất thiện thuộc về *Tập đế*. Đoạn trừ chúng cho hết là *Diệt đế*. Con đường đưa đến sự đoạn trừ đó thuộc về *Đạo đế*.

Lại nữa, ngoại trừ khát ái, phiền não và tất cả những điều bất thiện ra, các điều bất thiện còn lại và vô ký đều thuộc về *Khổ đế*. Khát ái, phiền não còn dư lại và tất cả các điều bất thiện nơi ba địa hạt, thuộc về *Tập đế*. Đoạn trừ được chúng hết là *Diệt đế*. Con đường đưa tới sự đoạn trừ đó là *Đạo đế*.

Như thế, tầm cầu các thích thú tức là khát ái, các phiền não còn lại vì bị kết sử sai khiến nên thuộc về *Tập đế*. Tất cả các điều bất thiện, tuy có thể đoạn trừ được, nhưng do chúng khiến phải sanh lại, nên thuộc về *Tập đế*. Các điều thiện và bất thiện nơi ba địa hạt, do chúng khiến phải sanh lại, nên thuộc về hoặc *Khổ đế*, hoặc *Tập đế*. Những phiền não dày vò, sự lo âu, cùng các điều hữu vi, hữu biên, đều thuộc về *Khổ đế*. Sự kết tụ nhân duyên, dính mắc và tướng hoá hiệp đều thuộc về *Tập đế*.

Như thế, *do sự liệt kê các yếu tố* mà hiểu rõ thêm về Bốn Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là *do sự đồng nhứt*?

Đáp: Bốn Thánh để mang tánh chất đồng nhứt với nhau, nếu xét theo bốn nghĩa này: (1) theo nghĩa *để* (= Chơn lý), (2) theo nghĩa *như* (= *như thị*, như thế là như thế), (3) theo nghĩa *pháp* (= pháp tu), (4) theo nghĩa *không* (= sự rỗng rang).

Như thế, *do sự đồng nhứt về nghĩa* mà biết rõ thêm về Bốn Thánh để.

Hỏi: Thế nào là *do chủng loại khác nhau*?

Đáp: Để có hai thứ: thể để (= chơn lý ở thể gian) và xuất thể để (= Chơn lý vượt thể gian, tuyệt đối). Thể để thì còn ri chầy, còn bị sai khiến, còn giầy ràng buộc, còn bị tràn ngập, còn bị ách đè, còn bị che lấp, còn bị xúc chạm, còn bám níu, còn phiền não, đó gọi là Khổ để và Tập để. Xuất thể để chẳng ri chầy, chẳng bị sai khiến, chẳng giầy ràng buộc, chẳng bị tràn ngập, chẳng bị ách đè, chẳng che lấp, chẳng xúc chạm, chẳng bám níu, chẳng phiền não, đó gọi là Diệt để và Đạo để. Ba để hữu vi (= bị biến đổi theo điều kiện, hoàn cảnh), Diệt để thì vô vi. Ba để chẳng có hình sắc, Khổ để có hình sắc hoặc chẳng có hình sắc. Tập để chẳng thiện lành, Đạo để thì thiện. Diệt để thì vô ký (= chẳng thiện, chẳng bất thiện). Khổ để vừa thiện, bất thiện và vô ký.

Khổ để cần phải *biết rõ*. Tập để cần phải *đoạn trừ*. Diệt để cần phải *chứng đắc*. Đạo để cần phải *tu hành*.

Như thế, *do theo chủng loại khác nhau* mà biết rõ thêm về Bốn Thánh để.

Hỏi: Thế nào là *do mười loại*?

Đáp: Xếp theo *một loại*: thân có thức này là Khổ. Ngã mạn (= kiêu căng) là nguồn gốc tức là Tập. Đoạn trừ ngã mạn là Diệt. Giữ chánh niệm nơi thân tâm là Đạo.

Xếp theo *hai loại*: Danh-Sắc là Khổ. Vô minh cùng hữu ái (= ham muốn được sống mãi) là Tập. Đoạn trừ hai món đó là Diệt. Định và Huệ là Đạo.

Xếp theo *ba loại*: Khổ khổ là Khổ để. Ba căn bất thiện là Tập. Đoạn trừ cả ba là Diệt. Giới, định, huệ là Đạo.

Xếp theo *bốn loại*: bốn nơi của thân tánh là Khổ. Bốn điều điên đảo là Tập. Đoạn trừ các điên đảo là Diệt. Bốn niệm xứ là Đạo.

Xếp theo *năm loại*: Năm nẻo tái sinh là Khổ. Năm sự che đậy là Tập. Đoạn trừ năm sự che đậy là Diệt. Năm căn là Đạo.

Xếp theo *sáu loại*: Sáu căn xúc chạm là Khổ. Sáu điều khát ái về thân là Tập. Đoạn trừ sáu sự khát ái về thân là Diệt. Sáu pháp xuất ly là Đạo.

Xếp theo *bảy loại*: Bảy thức là Khổ. Bảy kết sử là Tập. Đoạn trừ bảy kết sử là Diệt. Bảy yếu tố của sự giác ngộ là Đạo.

Xếp theo *tám loại*: Tám ngọn gió thể gian là Khổ. Tám điều tà biên là Tập. Đoạn trừ các tà biên là Diệt. Tám yếu tố của Bát Chánh Đạo là Đạo.

Xếp theo *chín loại*: Chín cảnh giới cư trú của chúng sanh là Khổ. Chín nguồn gốc của sự khát ái là Tập. Đoạn trừ các căn nguyên này là Diệt. Chín sự tác ý chơn chánh là Đạo.

Xếp theo *mười loại*: Các hành ở mười phương là Khổ. Mười kết sử là Tập. Đoạn trừ các kết sử là Diệt. Quán về mười tướng bất tịnh là Đạo.

Như thế, *do sự mùi loại* mà biết rõ thêm về Bốn Thánh đế

Hỏi: Thế nào là do sự thâm nhiếp?

Đáp: Có ba sự thâm nhiếp (= nghĩa bao trùm): âm nhiếp, nhập nhiếp và giới nhiếp. Như thế, Khổ đế được năm âm thâm nhiếp vào. Tập đế và Đạo đế do hành âm thâm nhiếp. Diệt đế chẳng được các âm thâm nhiếp.

Khổ đế được mười hai nhập thâm nhiếp. Ba đế kia thuộc pháp nhập thâm nhiếp. Khổ đế được mười tám giới thâm nhiếp. Ba đế kia được pháp giới thâm nhiếp.

Như thế, *do sự thâm nhiếp* mà biết rõ thêm về Bốn Thánh đế.

Bằng các cách trên đây mà khởi lên được sự hiểu biết về các Thánh đế, đó gọi là *Phương tiện về Thánh đế*.

Thánh đế Phương tiện chấm dứt.

-ooOoo-

[Dầu trang](#) | [Mục lục](#)

Phần Chánh văn: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#)
Phần tìm hiểu: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#) | [Tổng kết](#)

Chân thành cảm ơn Cư sĩ Thiện Nhựt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 01-2004)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 16-01-2004